

UBND HUYỆN GIA LỘC
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

“NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÓI
TRONG MÔN TIẾNG VIỆT 1”

BỘ MÔN: TIẾNG VIỆT
CẤP HỌC: TIỂU HỌC

Năm học: 2023 -2024

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: "**Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1**"
2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến : Giảng dạy môn Tiếng Việt lớp 1
3. Tác giả:
 - Họ và tên: **Hoàng Thị Hải Yến** Giới tính: Nữ
 - Sinh ngày: 26 tháng 12 năm 1988
 - Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Tiểu học
 - Chức vụ: Giáo viên
 - Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Đồng Quang, Gia Lộc, Hải Dương
 - Điện thoại: 0987 985 816
4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Đồng Quang - xã Đồng Quang - huyện Gia Lộc - tỉnh Hải Dương
5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Trường Tiểu học Đồng Quang - xã Đồng Quang - huyện Gia Lộc - tỉnh Hải Dương
6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Có sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, sự tâm huyết nhiệt tình của giáo viên, sự ham học hỏi của học sinh.
7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Từ năm học 2023 – 2024
8. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền: Đây là sáng kiến tôi tự nghiên cứu, trải nghiệm và viết ra. Tôi xin cam đoan không sao chép hoặc vi phạm bản quyền của một sáng kiến nào.

TÁC GIẢ

(ký ghi rõ họ tên)

NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

XÁC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

Hoàng Thị Hải Yến

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
	THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN	
	MỤC LỤC	
	TÓM TẮT SÁNG KIẾN	
	MÔ TẢ SÁNG KIẾN	
1	Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến	
2	Cơ sở lí luận của vấn đề	
3	Thực trạng của vấn đề	
4	Các giải pháp, biện pháp thực hiện	
4.1	<i>Giải pháp 1: Giáo viên chủ động chuẩn bị kĩ kiến thức cho bản thân.</i>	
4.2	<i>Giải pháp 2. Rèn kĩ năng nói cho học sinh theo từng chủ điểm trong khi dạy Học vần và Tập đọc.</i>	
4.3	<i>Giải pháp 3: Phân loại khả năng nói của học sinh trong lớp để đưa ra câu hỏi phù hợp với từng đối tượng</i>	
4.4	<i>Giải pháp 3. Sử dụng một số kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực để nâng cao kĩ năng luyện nói cho học sinh</i>	
4.5	<i>Giải pháp 5:Tổ chức hoạt động nói trên lớp</i>	
4.6	<i>Giải pháp 6: Dạy luyện nói trong Kể chuyện.</i>	
4.7	<i>Giải pháp 7: Luyện tập thường xuyên ngay khi ngoài giờ học và bồi dưỡng lòng say mê hoạt động nói.</i>	
4.8	<i>Giải pháp 8: Dùng những video học sinh luyện nói tốt về nội dung cùng chủ điểm, về các nghi thức lời nói để học sinh khác luyện tập và nâng cao kĩ năng nói của bản thân.</i>	

4.9	<i>Giải pháp 9: Kết hợp các mối quan hệ: nhà trường, gia đình và xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động nói cho học sinh.</i>	
	Điều kiện thực hiện các giải pháp, biện pháp	
	Kết quả đạt được	
	Điều kiện sáng kiến được nhân rộng	
	KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	
	Kết luận	
	Ý kiến đề xuất và khuyến nghị	
	Lời kết	
	PHỤ LỤC	
	Giáo án minh họa	
	Đề khảo sát và biểu điểm chấm	
	Tài liệu tham khảo	

TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:

Tiếng Việt là môn học có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống các môn học ở bậc Tiểu học. Môn Tiếng Việt cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt, hình thành và phát triển ở học sinh những kỹ năng sử dụng Tiếng Việt đồng thời bồi dưỡng cho các em tình yêu Tiếng Việt, yêu tiếng nói của dân tộc mình, từ đó bước đầu các em có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

Ở lớp 1 nội dung chương trình giáo dục phổ thông 2018, Tiếng Việt được xác định nhiệm vụ cụ thể là rèn cho học sinh 4 kỹ năng cơ bản: đọc, viết, nói và nghe.

Rèn nói cho học sinh lớp 1 là cần thiết. Học sinh nói được thành câu, theo đúng chủ đề. Học sinh diễn đạt tự nhiên, nói to, rõ ràng. Điều đó hỗ trợ nhiều cho việc học Tập làm văn ở các lớp trên, từ đó các em giao tiếp mạnh dạn hơn, trở thành con người mới đáp ứng được cuộc sống hiện đại. Trong quá trình thực hiện tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 tôi đã thực hiện nhiều giải pháp và nhận thấy: Trẻ tập nói từ nhỏ khi giao tiếp với người thân trong gia đình, người xung quanh. Vào trường mầm non các em được giao tiếp với cô giáo, các bạn, nói nhiều hơn. Đến trường Tiểu học các em đã biết nói thành thạo. Hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 chương trình giáo dục phổ thông 2018 được sắp xếp khoa học về nội dung, được tổ chức trong các bài học ở cuối tiết 2. Hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 chương trình giáo dục phổ thông 2018 có nội dung gần gũi với cuộc sống hàng ngày, đơn giản dễ hiểu, dễ nói, phù hợp với trẻ 6 tuổi. Trẻ 6 tuổi lớp 1 chuyển từ hoạt động vui chơi là chủ yếu ở lớp mẫu giáo sang hoạt động học tập ở lớp 1 là chủ đạo, các em bắt đầu học đọc, học viết và học nói và nghe dưới sự dạy bảo của thầy cô một cách khoa học, có phương pháp.

Tuy nhiên học sinh lớp 1 còn rất nhiều bỡ ngỡ, việc nói thành câu, nói

đúng chủ đề, nói to, rõ ràng, diễn đạt tự nhiên đối với các em thật khó khăn. Trong thực tế còn nhiều học sinh đứng lên diễn đạt lời nói còn lúng túng, nói còn quá nhỏ. Có học sinh nói không biết ngắt hơi, nghỉ hơi đúng.

Trước những băn khoăn, trăn trở đó, bản thân tôi luôn cố gắng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra biện pháp rèn kỹ năng nói cho các em sao cho đạt hiệu quả nhất. Chính vì vậy, ngay khi nhận được phân công chủ nhiệm lớp 1C năm học 2023 – 2024 tôi đã mạnh dạn áp dụng: **“Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1”** Với mong muốn giúp học sinh nói to, rõ ràng, diễn đạt tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến

2.1. Điều kiện: Tài liệu dạy môn Tiếng Việt lớp 1, cơ sở vật chất trường học, học sinh khối lớp 1 đang học chương trình Giáo dục phổ thông 2018

2.2. Thời gian: Năm học 2023 - 2024;

2.3. Đối tượng: Học sinh lớp 1

3. Nội dung sáng kiến

3.1. Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến

*** Tính mới:**

- Nội dung tôi nghiên cứu không trùng với nội dung của giải pháp đã đăng ký sáng kiến trước cũng như của các tác giả khác.

- Tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt thực sự đã có hiệu quả, tại đơn vị đã thể nghiệm qua tiết dạy.

- Các giải pháp đưa ra ngắn gọn, sát với thực tế dạy và học.

*** Tính sáng tạo:**

- Tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 đã lấy việc phát huy ưu điểm là chính:

+ Đặc điểm tâm lý của học sinh Tiểu học là thích được khen, thích được thầy cô, bạn bè, cha mẹ biết đến những mặt tốt, những ưu điểm, những thành tích của mình.

+ Các em muốn được tự mình tìm hiểu, khám phá kiến thức bằng nhiều

hình thức như quan sát, xem video ... tuy nhiên cần có định hướng của giáo viên. Các em tự suy nghĩ, tìm câu chuẩn bị nói trong nhóm, trước lớp.

+ HS phát triển toàn diện, nâng cao kiến thức kỹ năng sống, năng động, sáng tạo, thích nghi tốt với môi trường sống.

+ Giáo viên luôn tìm hiểu cách thức tổ chức các hoạt động nói phù hợp với đối tượng HS; tự rèn các năng lực cá nhân để thu hút HS vào hoạt động, tuyên truyền tới PHHS cùng rèn nói thành câu, nói lời hay ý đẹp cho học sinh.

+ Đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức kỹ năng của học sinh.

+ Định hướng cho học sinh nói, nội dung liên hệ, giáo dục.

+ Giáo viên thường xuyên quan tâm đến những em nhút nhát đứng lên không dám nói, động viên các em kịp thời từ những tiên bộ nhỏ tạo động lực giúp các em phá tan sự lo lắng của bản thân.

+ Học sinh chủ động trong việc tìm tòi kiến thức, bỏ qua việc áp đặt máy móc nói theo mẫu.

+ Tạo không khí lớp học luôn được vui vẻ, thoải mái để hoạt động nói không bị gò bó.

+ Tích cực đánh giá học sinh dưới nhiều hình thức từ đó các em thêm yêu Tiếng Việt hơn.

3.2. Khả năng áp dụng sáng kiến

Sáng kiến có thể áp dụng không chỉ ở lớp tôi mà có thể áp dụng vào tất cả các lớp khác trong trường tôi và các trường khác có cùng điều kiện.

Sáng kiến này có thể áp dụng dạy cho nhiều đối tượng HS, (HS tiếp thu nhanh, HS tiếp thu chậm, HS khuyết tật).

Các giải pháp đưa ra dễ thực hiện, có tính khả thi. Hơn nữa, GV nào cũng có thể thực hiện được.

3.3. Lợi ích của sáng kiến

Sáng kiến dễ vận dụng, không tốn kém kinh tế, làm tăng hứng thú học tập cho HS trong tiết học và đặc biệt hiệu quả tiết học cao.

4. Giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến

Khi áp dụng SK này vào dạy học, giờ học của các tiết trong môn Tiếng Việt diễn ra nhẹ nhàng, tự nhiên. Vì vậy, chất lượng môn Tiếng Việt của các em được nâng cao. Đặc biệt các em đọc bài phát âm chuẩn, đọc lưu loát, diễn đạt được đủ ý từ đó các em rất thích học Tiếng Việt. Điều đó đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

5. Đề xuất và kiến nghị

Đề nghị các cấp lãnh đạo xem xét công nhận tính khả thi của sáng kiến. Sau đó tổ chức các buổi chuyên đề để đồng nghiệp của tôi góp ý cho sáng kiến hoàn thiện hơn để có thể nhân rộng phạm vi áp dụng của sáng kiến.

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến

1.1 Xuất phát từ tầm quan trọng của việc rèn nói cho học sinh lớp 1

Trong bất kỳ thời đại nào, xã hội nào giao tiếp vẫn luôn là một kỹ năng rất quan trọng giúp mọi người có được thành công và tạo các mối quan hệ tốt trong công việc cũng như trong cuộc sống. Giao tiếp giúp con người thể hiện được ý nghĩ cũng như những hành động muốn biểu đạt và giúp mọi người hiểu được nhu cầu, mong muốn hay những gì người khác truyền đạt qua ngôn ngữ. Muốn giao tiếp thành công thì phải bắt đầu từ khâu luyện nói với học sinh lớp Một. Chính vì thế việc rèn nói cho học sinh là hết sức quan trọng, đặc biệt là đối với học sinh lớp 1. Bởi lẽ ở lứa tuổi này các em “ ăn chưa nên đọi, nói chẳng nên lời” chưa biết nói gì, nói như thế nào, phải nói ra sao cho đúng với sự vật, sự việc phù hợp với hoàn cảnh. Với tâm lý lứa tuổi học sinh lớp Một như vậy người giáo viên cần phải tìm cách dạy cho học sinh hiểu, biết cách nói đúng, nói đủ, nói có văn hoá có giáo dục ngay lớp nền móng để tạo đà phát triển kỹ năng nói trong môn Tiếng Việt ở các lớp trên giúp cho ba kỹ năng còn lại được thông thạo và trôi chảy, không những thế tăng cường kỹ năng nói để nói được, nói chuẩn ở tất cả các môn học khác, phục vụ tốt cuộc sống thường ngày hay nói cách khác năng lực ngôn ngữ tốt là cơ sở giúp trẻ phát triển năng lực học tập, năng lực tư duy và năng lực khác. Nói tốt giúp học sinh nhận thức tốt và khám phá thế giới có hiệu quả. Nhận ra điều này tôi luôn tự nhủ cần phải giúp các em nói tốt ngay từ khi các em còn lớp 1 để các em được phát triển đầy đủ cả về tư duy, năng lực ngôn ngữ một cách hoàn thiện nhất.

1.2 Xuất phát từ thực tế dạy học môn Tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 hiện nay.

Môn Tiếng Việt lớp 1 chiếm một vị trí quan trọng trong bậc Tiểu học. Nó là nền móng cho việc học môn Tiếng Việt ở các lớp tiếp theo của bậc Tiểu học và Trung học sau này.

Năm học 2023 – 2024, tôi được phân công chủ nhiệm lớp 1C có 35 học sinh, trong đó học sinh nữ là 11 em, học sinh nam là 24 em.

- Các em học sinh còn bỡ ngỡ, chưa làm quen được với việc học ở trường Tiểu học. Một số em còn nhút nhát, rụt rè, chưa mạnh dạn trong giao tiếp.

- Học sinh còn nhút nhát, sợ sệt không dám nói trước đám đông.

- Nhận thức của học sinh không đồng đều. Bên cạnh những em học tốt, tiếp thu nhanh, tự tin trong giao tiếp vẫn còn một số em chưa mạnh dạn trong việc nói, nói nhỏ, ghi nhớ kém, học trước quên sau, chậm tiến bộ (Tùng Lâm, Thanh Thảo, Tuấn Anh, Hải Đăng, Phạm Gia Khánh,...).

- Một số học sinh còn hạn chế về vốn từ (Gia Tú, Lê Duy Đức).

- Một số em phát âm ngọng do thói quen từ bé mà bố mẹ ít quan tâm để sửa lỗi này cho con (Tùng Lâm, Thanh Thảo, Hải Đăng,...)

Qua thực tế giảng dạy cho thấy còn nhiều học sinh đứng lên diễn đạt lời nói còn lúng túng, nói còn quá nhỏ. Có học sinh nói không biết ngắt hơi, nghỉ hơi đúng.

Trước yêu cầu đổi mới của giáo dục, thì việc rèn nói cho học sinh lớp 1 là một vấn đề mà tôi luôn luôn trăn trở, suy nghĩ và tìm tòi. Xuất phát từ những lí do trên tôi đã nghiên cứu và viết sáng kiến **“Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1”**

2. Cơ sở lí luận của vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học đã được xác định và cụ thể hoá trong chỉ thị 15 của Bộ GD&ĐT. Trong luật giáo dục, khoản 2, điều 24 đã ghi: "*Phương pháp giáo dục phổ thông phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp*

tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS." Có thể nói: tư tưởng và mục đích của quá trình giúp cho giáo viên nhận ra tầm quan trọng của việc rèn đọc cho học sinh, từ đó giáo viên tìm tòi, đưa ra nhiều phương pháp hay nhằm mục đích giúp học sinh tiếp thu bài học một cách nhanh nhất mà không bị áp đặt. Không những vậy các em còn nhớ lâu, nhớ sâu, hiểu được những nội dung mà giáo viên muốn truyền đạt. Việc đổi mới dạy học hiện nay ngoài việc *đổi mới phương pháp* thì còn phải *đổi mới phương thức lên lớp* phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Và cùng trong chương trình môn Ngữ văn ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học như sau:

Giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn, yêu cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động, thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng (đọc, viết nói và nghe) với mức độ căn bản: đọc, nói đúng trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản, viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe và hiểu ý kiến người nói.

Phát triển năng lực văn học của học sinh với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật, có trí tưởng tượng, hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong văn bản văn học.

Mục tiêu cốt lõi của môn Tiếng Việt là hình thành cho học sinh năng lực về ngôn ngữ. Nó được thể hiện thông qua các kỹ năng: đọc, viết, nói và nghe. Trong chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, môn Tiếng Việt lớp 1 dạy học sinh luyện nói được coi như một nội dung mở rộng, nối dài của đọc. Nó giúp học sinh bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng nói. Đây là một trong những kỹ năng quan trọng trong hoạt động ngôn ngữ của con người. Để học sinh luyện nói lưu loát, đạt hiệu quả giáo viên cần có cách tổ chức dạy học để khơi gợi, kích thích học sinh hứng thú bộc lộ cảm xúc, ý nghĩ của mình. Trên cơ sở đó phát huy khả năng nói cho các em, giúp trẻ mạnh dạn, cởi mở, tự tin trong giao tiếp hàng ngày với những người xung quanh.

* Một số yêu cầu cần đạt khi dạy học sinh luyện nói ở lớp 1:

- Nói rõ ràng, rành mạch, Biết nhìn vào người nghe khi nói.
- Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.
- Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi phù hợp với đối tượng người nghe.
- Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý.
- Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các minh họa và lời gợi ý dưới tranh).
- Biết tương tác thống nhất với hoạt động nghe để có hiệu quả giao tiếp tốt.

* Nội dung luyện nói trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 1:

- Các nội dung luyện nói được xây dựng theo nghi thức lời nói được quy định trong chương trình (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép, ...) và các chủ điểm được lựa chọn thường gắn với nội dung đọc ngay trước đó. Đọc chuẩn bị nội dung cho nói. Nói giúp học sinh hiểu sâu hơn văn bản đọc. Chúng hỗ trợ hiệu quả lẫn nhau. Đây cũng là hoạt động học tập giúp học sinh tự tin hơn khi giao tiếp và đặt cơ sở cho kỹ năng trình bày, thuyết trình ở các lớp trên. Một khoảng thời gian tương đối vừa phải cuối mỗi bài học dành cho hoạt động nói. Các em

được tự do trình bày, diễn đạt theo suy nghĩ và ngôn ngữ của bản thân, giảm được căng thẳng sau gần 2 tiết học Tiếng Việt.

Ở phần luyện nói sau mỗi bài học Tiếng Việt, giáo viên chỉ đưa ra gợi ý và sáng tạo ra các “kịch bản” để tổ chức cho học sinh nói có hiệu quả.

Cuối mỗi tuần học Tiếng Việt, có phần kể chuyện. Nội dung này nhằm phát triển tổng hợp các kỹ năng nghe, tưởng tượng, suy luận, ... và diễn đạt thành lời nói cho học sinh. Khi kể chuyện, học sinh được trao đổi nhóm, đóng vai kể một đoạn hay toàn bộ câu chuyện tùy vào khả năng của mỗi em.

* Phương pháp dạy luyện nói và nghe:

- Dạy nói và nghe cần chú ý các phương pháp cơ bản sau:

- + Phương pháp làm mẫu và học sinh thực hành theo mẫu.
- + Phương pháp đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa giáo viên và học sinh.
- + Phương pháp học sinh thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp.
- + Phương pháp đóng vai diễn lại được câu chuyện đã nghe.

Ngoài ra giáo viên cần sử dụng linh hoạt kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực khác nhằm giúp học sinh luyện nói đạt hiệu quả cao nhất.

3. Thực trạng của vấn đề

Năm 2023 - 2024 tôi được phân chủ nhiệm và giảng dạy lớp 1C. Từ khi nhận lớp tôi đã tìm hiểu và thấy được một số thực trạng như sau:

3.1. Ưu điểm

Trong năm học 2023-2024, giáo viên và học sinh lớp 1 đều nhận được quan tâm hỗ trợ tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội. Trường lớp được xây dựng khang trang, sạch sẽ, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học đầy đủ. Bên cạnh đó phụ huynh cũng rất chăm lo cho việc học tập của con em mình. Học sinh được học tập trong môi trường thuận lợi như vậy cho nên việc giao lưu, tiếp xúc, phát triển ngôn ngữ của các em cũng sẽ được quan tâm rất nhiều.

Đa số học sinh trước khi vào lớp 1 đều được học qua trường Mầm non nên hầu hết các em đều tích lũy được vốn ngôn ngữ nhất định cho bản thân. Mặt khác nội dung luyện nói lớp 1 được xây dựng bám sát trình độ chuẩn và quán triệt những định hướng đổi mới, quán triệt những mục tiêu dạy học ở Tiểu học. Do đó việc dạy luyện nói cho học sinh sẽ được thuận lợi hơn.

Trong phân môn Tiếng Việt 1, nội dung dạy luyện nói được cấu trúc chặt chẽ hợp lí, sắp đặt xen kẽ vào cuối tiết học thứ hai của bài. Chủ điểm luyện nói bao giờ cũng được lựa chọn dựa trên nội dung mà học sinh đã được luyện đọc trước đó. Chúng bổ trợ cho nhau và thống nhất với nhau giúp học sinh dễ dàng khi sử dụng ngôn ngữ. Nội dung các bài luyện nói đa dạng phong phú về mọi lĩnh vực, gần gũi với học sinh và được tăng dần ở mức độ theo các chủ điểm giúp học sinh phát triển ngôn ngữ nói một cách tự nhiên, không gò bó. Tranh vẽ trong sách giáo khoa đẹp, rõ nét nhằm gây hứng thú học tập cho học sinh.

Nhiều giáo viên cũng đã quan tâm và đầu tư nghiên cứu và đưa ra những phương pháp dạy học tích cực, đưa ra những “kịch bản” sáng tạo giúp học sinh nâng cao hiệu quả hoạt động nói.

3.2. Khó khăn:

Học sinh lớp 1 từ trường Mầm non chuyển lên chưa bắt kịp được môi trường học tập mới. Các em còn rụt rè, nhút nhát. Đa số các em còn mãi chơi, chưa chú ý đến nhiệm vụ học tập. Nhiều em không chú ý, học trước quên sau, nhanh chán.

Có những nội dung kiến thức cần đạt dài và khó mà giáo viên nhiều khi lại nói vo, không khai thác tranh ảnh nên học sinh khó hình dung, khó hiểu. Mặt khác giáo viên chưa dành nhiều thời gian cho học sinh rèn kĩ năng nói mà chỉ quan tâm đến hoạt động đọc và viết.

Trình độ dân trí trong địa bàn trường quản lí không đồng đều. Nhiều gia đình ít quan tâm đến việc rèn luyện kĩ năng nói cho các con. Hầu hết phụ huynh

đều cho rằng con họ học môn Tiếng Việt lớp 1 là chỉ học đọc, học viết chứ không biết đến việc con mình phải học nói nữa. Do đó họ không cần để ý xem con mình nói thế nào. Con có nói rõ ràng, lưu loát, mạnh dạn, tự tin không? Và cũng chẳng cần uôn nắn làm gì.

Đa phần học sinh Mầm non vùng nông thôn đã quen với cách nói tự do, nói trống không, nói cộc lốc (thiếu chủ ngữ, vị ngữ) gây cảm giác khó chịu cho người nghe. Bên cạnh đó là thái độ rụt rè, lúng túng, không cởi mở trong giao tiếp, không mạnh dạn khi bày tỏ ý kiến của mình. Khi vào lớp 1 các em phải nói có chủ định, theo từng chủ điểm, luyện nói theo tranh, ảnh minh họa, đồ dùng trực quan... nên các em gặp rất nhiều khó khăn trong cách sử dụng ngôn ngữ và câu để diễn đạt.

Một khó khăn nữa phải kể đến là: đa phần giáo viên chưa đầu tư nhiều thời gian và công sức để luyện nói cho học sinh. Khi hướng dẫn các em luyện nói, giáo viên rất ít sử dụng đồ dùng dạy trực quan để các em quan sát mà chỉ dạy lướt qua, thậm chí nhiều khi còn bỏ qua. Vì thế chưa làm phong phú vốn từ và cách diễn đạt cho học sinh.

Mặt khác khi giáo viên yêu cầu học sinh nói thì nhiều em nói không rành mạch, nói lí nhí, thiếu tự tin. Có em đứng trước lớp còn không dám nói vì thế giáo viên không chú ý gọi em đó nói nhiều nữa do năng lực nói của các em không khả quan. Nếu gọi em đó trả lời thì sẽ mất thời gian ảnh hưởng đến những học sinh khác và làm chậm tốc độ bài giảng. Đó cũng là một nguyên nhân không nhỏ dẫn đến hạn chế khả năng luyện nói của học sinh.

Qua trao đổi, dự giờ thăm lớp đồng nghiệp tôi nhận thấy vấn đề luyện nói cho học sinh vẫn chưa thực sự được quan tâm sâu sát. Thực tế có nhiều giáo viên chưa ý thức được vai trò của việc luyện nói cho học sinh. Thầy (cô) chỉ quan tâm và coi trọng hai kỹ năng đọc, viết mà bỏ qua hoặc xem nhẹ kỹ năng nói của các

em. Dần dần trở thành thói quen “đọc lướt qua” kỹ năng này và không dạy thường xuyên, liên tục.

Một số giáo viên chưa biết vận dụng tích hợp nội dung dạy- học kỹ năng nói với các kỹ năng (đọc, viết, nghe) trong khi dạy các môn học khác.

3.3. Phân tích, đánh giá các vấn đề về thực trạng

Học sinh lớp vừa mới rời trường Mầm non, chuyển từ môi trường học tập vui chơi sang môi trường học tập, các em không thể nói tự do, cộc lốc như trước nữa mà phải nói có chủ định theo từng câu hỏi của chủ đề, luyện nói theo tranh ảnh minh họa, đồ dùng trực quan,... nên các em rất khó khăn lúng túng trong cách dùng từ, diễn đạt và bày tỏ ý kiến của mình.

Ví dụ: Lần đầu tiên tiếp xúc với các em Mầm non mới vào lớp 1, tôi đưa ra một số câu hỏi để nắm bắt khả năng nói của một vài học sinh: “Gia đình con có mấy người?” (Học sinh trả lời: 5 người, có em trả lời: 4 người). Tôi hỏi tiếp: “Gia đình nhà con có mấy anh em?” (Học sinh trả lời: Một anh em, có em trả lời: 2 anh em). Mẹ con làm nghề gì? (Mẹ con nấu cơm). Bố con làm nghề gì? (Bố con xem ti vi). Rõ ràng là còn có nhiều học sinh không hiểu rõ câu hỏi mà trả lời sai, không trúng ý người hỏi. Nguyên nhân là do các em còn ở lứa tuổi vui chơi, nói năng thoải mái, tự do, không theo chủ định.

Nhiều gia đình quan niệm rằng: Con vào lớp 1 khi học Tiếng Việt là chỉ học đọc, học viết mà không để ý đến việc luyện nói của con. Gia đình không hề uốn nắn, tác động, chỉnh sửa cho con. Do đó về nhà các con vẫn giữ thói quen nói thoải mái, tự do, không theo ý người hỏi, không theo nội dung cụ thể. Đây là nguyên nhân các con không được rèn luyện ở mọi lúc, mọi nơi nên khả năng hình thành kỹ năng nói rất hạn chế đối với học sinh.

Như trên đã nói một số giáo viên chỉ chú trọng đến kỹ năng đọc, viết trong môn Tiếng Việt để hoàn thành tiết dạy là chính. Kỹ năng nói dường như bị xem

nhẹ, ít chú trọng, thậm chí còn bỏ qua. Nếu có chẳng đi nữa học sinh chỉ được học lướt qua ở phân môn Kể chuyện và phần luyện nói trong thời gian rất ngắn.

Ví dụ: Kể chuyện: “*Con quạ thông minh* - trang 43, TV1, tập 1” thì giáo viên kể chuyện một đến hai lần nội dung câu chuyện sau đó đàm thoại, gợi ý gợi học sinh kể lại nội dung từng phần câu chuyện, rồi đến cả câu chuyện. Thời gian đàm thoại, bồi dưỡng kỹ năng nói cho học sinh chỉ dừng lại ở một vài câu hỏi. Chẳng hạn: Quạ thấy gì dưới gốc cây? Quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao? Quạ nghĩ ra điều gì? Cuối cùng kết quả thế nào? Qua câu chuyện em thấy quạ là con vật như thế nào? Sau đó giáo viên gợi học sinh nêu ý nghĩa câu chuyện và kết thúc tiết học. Rất ít giáo viên yêu cầu học sinh luyện kể chuyện vì không mấy học sinh đã kể thành thạo ngay được nội dung câu chuyện. Như thế sẽ mất rất nhiều thời gian. Đây chính là nguyên nhân căn bản dẫn đến học sinh chỉ biết đọc truyện mà không biết kể chuyện diễn cảm theo ngôn ngữ của mình. Cứ làm như vậy sẽ không đảm bảo được yêu cầu cần đạt về kỹ năng nói của học sinh lớp 1 (kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đã đọc, đã nghe dựa vào tranh minh họa)

Thực tế tôi kể trên còn giáo viên chưa biết vận dụng tích hợp nội dung dạy kỹ năng nói với các kỹ năng (đọc, viết, nghe) khi dạy các môn học khác. Đa phần các thầy (cô) chưa đầu tư công sức tìm tòi các phương pháp dạy học tích cực, chưa đem hết tâm huyết của mình để dạy học sinh luyện nói một cách có hiệu quả.

Ví dụ: Khi dạy bài Đạo đức “*Gia đình em*” có một hoạt động liên hệ thực tế ở cuối tiết học yêu cầu học sinh phải chia sẻ với bạn về gia đình mình. Qua dự giờ tôi chỉ thấy giáo viên gọi 1 học sinh nói qua và kết thúc tiết học. Các em khác không tham gia vào hoạt động này. Như vậy rõ ràng giáo viên chưa chú ý tích hợp việc luyện nói cho học sinh khi dạy các môn học khác. Nguyên nhân này cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành kỹ năng nói cho học sinh.

Một thực trạng cần lưu ý nữa là giáo viên ít hoặc không chú ý sửa sai, uốn nắn không kịp thời cho học sinh khi nói dẫn đến các em vẫn giữ thói quen nói nhát gừng, nói lắp lửng, lúng ta lúng túng. Cách thể hiện lời nói của các em còn vụng về, nhút nhát.

Ví dụ: Khi có một học sinh không làm bài tập về nhà. Cô giáo hỏi: “Tại sao em không làm bài tập về nhà?” Em đó chỉ trả lời ấp úng: “Dạ...Dạ...” rồi đứng im. Cô giáo không thấy học sinh nói được thì bảo em ngồi xuống mà không hề sửa cho em cách trả lời. Ví dụ: “Hôm qua em bị ốm” hoặc “Hôm qua bút em bị hỏng mà mẹ chưa mua cho em”, ...

Quá trình hình thành bồi dưỡng kỹ năng nói cho học sinh lớp 1 chưa được các mối quan hệ: gia đình, nhà trường, xã hội kết hợp chặt chẽ và quan tâm đúng mức. Như vậy kỹ năng nói của học sinh không được luyện thường xuyên ở mọi lúc, mọi nơi. Đây cũng là một hạn chế lớn ảnh hưởng đến việc luyện nói của các em.

Ví dụ: Một học sinh hay nói “trống không” đến lớp thầy (cô) có chú ý sửa cho em nhưng về nhà bố mẹ không uốn nắn, không chỉnh sửa thì em đó cũng khó mà bỏ thói quen nói “trống không”. Một ví dụ khác: Một học sinh không có thói quen chào hỏi người lớn tuổi. Mặc dù ở lớp thầy (cô) đã dạy nhưng khi ra đường gặp người lớn hoặc về nhà ông, bà, bố mẹ, cô, chú, bác, không nhắc nhở, chỉ bảo thì em đó cũng không dễ hình thành được thói quen chào hỏi, lễ phép với người lớn tuổi.

Một thực tế nữa là: trong các cuộc gặp gỡ phụ huynh, giáo viên chỉ trao đổi về đọc, viết, tính toán... của học sinh còn vấn đề luyện nói của các em ít được đề cập tới. Do đó bố mẹ các em sẽ không quan tâm đến việc luyện nói của con em mình. Về nhà hầu như phụ huynh chỉ dành thời gian cho con luyện đọc, viết mà không chú ý nhiều đến việc rèn kỹ năng nói cho các con. Đây cũng là

nguyên nhân dẫn đến các em ít được chỉnh sửa lời nói và cách diễn đạt khi học tập ở nhà.

*** *Thực trạng về kỹ năng nói của học sinh lớp 1.***

*** *Khảo sát thực tế:***

- Tôi tiến hành khảo sát học sinh của hai lớp: lớp 1C (lớp thực nghiệm) và lớp 1A (lớp đối chứng)

- Khảo sát trong tuần 5 năm học 2023 – 2024 với đề bài như sau:

ĐỀ KIỂM TRA

A. Phần nói: (10 điểm)

Em hãy giới thiệu về bản thân qua các câu hỏi gợi ý :

+ *Em tên là gì ?(1điểm)*

+ *Em học lớp nào, trường nào? (1 điểm)*

+ *Nhà em ở thôn nào, xã, huyện, tỉnh nào? (2 điểm)*

+ *Bố, mẹ em tên là gì, làm nghề gì? (2 điểm)*

+ *Sở thích của em là gì? (2 điểm)*

+ *Ước mơ của em là gì? (2 điểm)*

Sau khi khảo sát và đánh giá học sinh, kết quả tôi thu được như sau:

Kết quả như sau:

Lớp	TS HS	Số HS nói tốt (Nói thành câu, thành đoạn)		Số HS nói đạt yêu cầu (Nói đủ câu, lưu loát, nói đúng chủ đề)		Số HS nói chưa đạt yêu cầu (Nói chưa đủ câu, nói chưa lưu loát, chưa đúng chủ đề)	
		SL	%	SL	%	SL	%
1C <i>(Lớp thực nghiệm)</i>	35	7	20	10	28,6	18	51,4
1A <i>(Lớp đối chứng)</i>	35	8	22,9	12	34,3	15	42,8

Qua khảo sát, tôi thấy sĩ số học sinh của hai lớp bằng nhau, chất lượng học sinh lớp 1A có số học sinh nói thành câu, nói đúng chủ đề cao hơn lớp 1C. Tôi thiết nghĩ: Là một giáo viên (đặc biệt giáo viên lớp 1) cần phải có tâm huyết, chịu khó tìm tòi, kiên trì uốn nắn trong quá trình rèn kỹ năng nói cho học sinh. Điều đó không những tạo tiền đề cho học sinh học tốt môn Tiếng Việt ở các lớp trên mà còn giúp cho các em có một kỹ năng sống tốt, trở thành người có văn hóa, có nhân cách, những người có ích cho xã hội. Nhận thức được trọng trách của giáo viên và mong muốn cải thiện phần nào những thực trạng trên, tôi đã đi sâu nghiên cứu, áp dụng và đưa ra một số giải pháp thiết thực để giúp học sinh lớp 1 nâng cao hiệu quả hoạt động nói, giúp các em hứng thú hơn khi học môn Tiếng Việt và giao tiếp hàng ngày. Các giải pháp đó được trình bày cụ thể như sau:

4. Các giải pháp thực hiện

Nâng cao chất lượng dạy hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 chương trình giáo dục phổ thông 2018. Để giúp HS phát triển toàn diện, nâng cao kiến thức kỹ năng sống, năng động, sáng tạo, thích nghi tốt với môi trường sống, Nhà trường cần phải quan tâm, chú trọng và tăng cường tổ chức hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1. Hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 đưa đời sống trường học gần hơn với đời sống xã hội.

Nâng cao chất lượng dạy hoạt động nói trong môn Tiếng Việt 1 đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 cần có những giải pháp thay đổi nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc tổ chức hoạt động nói chính là góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực sự thúc đẩy GV có trách nhiệm, sáng tạo và kỹ lưỡng trong việc tạo nguồn hứng thú cho HS khi tham gia hoạt động nói và phát huy được khả năng sáng tạo của bản thân mình; tạo niềm tin

cho PHHS đối với kế hoạch giáo dục của nhà trường. Sau đây tôi xin đưa ra một số giải pháp để nhằm nâng cao tổ chức hoạt động nói cho học sinh:

4.1. Giải pháp 1: Giáo viên chủ động chuẩn bị kĩ kiến thức cho bản thân.

Giáo viên phải nghiên cứu mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được quy định trong chương trình, nghiên cứu sách giáo khoa Tiếng Việt 1 chương trình GDPT- 2018, bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống.

** Học sinh cần đạt được:*

- Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói.
- Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.
- Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

- Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý.

- Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh).

** Hoạt động nói có trong tất cả các bài học:*

- Học kì I: Chủ đề luyện nói có tiếng chứa âm, vần mới học. Nội dung các tranh cung cấp cho các em cách ứng xử hàng ngày: Chào hỏi, giới thiệu, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, ... những hiểu biết về cuộc sống xung quanh. Cuộc sống gần gũi hàng ngày ở nhà, ở phố phường, ở trường học của các em. Cuộc sống ở các làng quê, ở miền núi...

- Học kì II: Mức độ yêu cầu cao hơn. Các em biết hỏi đáp với nhau về nội dung bài. Các em biết đặt câu hỏi, biết nói câu kể, biết nói về nội dung bài yêu cầu. Sang đến phần này các em đã quen thuộc với luyện nói, nội dung luyện nói không có gì xa lạ với các em. Dạy luyện nói phần này, giáo viên chỉ cần chú ý học sinh bám sát nội dung, tranh sách giáo khoa.

Ví dụ 1: Phân luyện nói bài 7: Ô ô .(Sách Tiếng Việt 1 tập 1- KNTTVCS trang 27)

- Giáo viên giới thiệu chủ điểm luyện nói: Xe cộ
- Gv yêu cầu HS quan sát tranh và hỏi:
 - + Em thấy những gì trong tranh?
 - + Kể tên những phương tiện giao thông mà em biết?
- Gv đưa câu hỏi phát triển chủ đề luyện nói:
 - + Ba loại phương tiện trong tranh có điểm nào giống nhau và điểm nào khác nhau?
 - + Em thích đi lại bằng phương tiện nào nhất? Vì sao?
 - Tôi chia nhóm học sinh để luyện tập theo hình thức hỏi – trả lời. Sau tôi cho các em thực hiện kỹ thuật: Lầu bằng chuyện để học sinh có thể nói, bày tỏ ý kiến của mình với nhiều bạn.

Ví dụ 2: Kể về anh chị hoặc em của em trong bài Làm anh (Sách Tiếng Việt 1- tập 2 KNTTVCS trang 28)

- Gv đưa ra một số câu hỏi gợi ý:
 - + Em của em là trai hay gái?
 - + Em của em mấy tuổi?
 - + Em của em đã đi học chưa? Học ở trường nào?
- Gv đưa câu hỏi phát triển tư duy thêm:
 - + Có khi nào em bé làm em khó chịu không? Vì sao?
 - + Em cảm thấy thế nào khi vui đùa cùng em của mình?
 - Gv yêu cầu học sinh luyện tập nói cho nhau nghe theo nhóm đôi. Qua đây giúp các em phát triển kỹ năng nói và nghe.

4.2. Giải pháp 2. Rèn kỹ năng nói cho học sinh theo từng chủ điểm trong khi dạy Học vần và Tập đọc.

Kỹ năng nói của học sinh được hình thành chủ yếu khi các em học Học vần và

Tập đọc. Nó được diễn ra qua các bước sau:

*** Bước 1:** *Cho học sinh tiếp cận với các ngữ liệu của nội dung cần luyện nói*

Trước hết ta thấy nội dung luyện nói ở lớp 1 được xây dựng trên các nghi thức lời nói (cách chào hỏi, cách cảm ơn, cách xin lỗi, cách xin phép, ...) và hầu hết những chủ điểm gần gũi với học sinh (Ví dụ chủ điểm: Gia đình, Nhà trường, Xe cộ, Cây cối, Vật nuôi, Đồ vật, Bạn bè, Giúp bạn...). Dựa vào vốn sống thực tế và qua tranh ảnh minh họa kết hợp với câu hỏi gợi ý, học sinh nói về nội dung từng chủ điểm. Chính vì vậy, muốn dạy luyện nói có hiệu quả thì việc đầu tiên giáo viên cần tiến hành cho học sinh nêu tên chủ điểm một cách lưu loát và chính xác. Nếu học sinh nói sai, giáo viên cần chỉnh sửa ngay cho các em, giúp học sinh nói trơn tru cụm từ dài. Bởi lẽ có nhiều chủ điểm luyện nói có tên tương đối dài (Ví dụ: *Lợi ích của vật nuôi, Phương tiện đi lại trên biển, Thế giới trong lòng biển, Thế giới trên bầu trời, Chuẩn bị đi dự sinh nhật...*). Sau đó giáo viên cần sử dụng những video sinh động hoặc những hình ảnh đẹp chứa nội dung cần luyện nói giúp học sinh hứng thú và tạo tính tò mò muốn khám phá của các em.

Ví dụ: Khi dạy học sinh luyện nói về chủ điểm **“Thế giới trong lòng biển- trang 137, TV1, tập 1”** giáo viên cần cho học sinh quan sát video về sự hoạt động của các sinh vật trong lòng biển. Được nhìn thấy các con vật hoạt động trong lòng biển và các dải san hô uốn lượn dưới làn nước biển trong xanh sẽ tạo cảm giác hứng thú cho học sinh. Các em sẽ mong muốn được tìm tòi và khám phá.

Tiếp theo giáo viên sẽ đưa ra một hệ thống câu hỏi gợi ý để học sinh luyện nói có định hướng và có trọng tâm. (Ví dụ: *Sau khi quan sát video em thấy trong lòng biển có những gì? Em đã biết những loài vật nào trong lòng biển? Em thích nhất loài vật nào? Vì sao? Em có cảm nhận gì khi được ngắm nhìn những con vật trong lòng biển?*)

*** Bước 2:** *Hướng dẫn học sinh thực hành luyện nói trong nhóm.*

Sau khi học sinh đã tiếp nhận được các ngữ liệu và yêu cầu cần luyện nói,

giáo viên lớp thành các nhóm (nhóm đôi, nhóm 4, ...) tùy thuộc vào từng nội dung cần luyện. Nếu chủ điểm luyện nói gần gũi thì có thể cho các em luyện nói theo nhóm đôi. Nếu chủ điểm luyện nói mới lạ thì giáo viên có thể cho học sinh luyện nói theo nhóm 4 để học sinh bổ sung, góp ý cho nhau được hoàn thiện hơn. Mục đích của luyện nói theo nhóm là để cả nhóm được cùng nhau thảo luận theo các câu hỏi đã gợi ý của giáo viên. Làm như vậy thì tất cả học sinh đều được luyện nói ít nhất một lần trong nhóm và tiết kiệm được thời gian đồng thời những học sinh “lười nói” cũng có cơ hội được thể hiện, không đứng “ngoài rìa” của hoạt động. Đặc biệt lưu ý đối với những học sinh nói yếu, giáo viên cần yêu cầu nói nhiều lần trong nhóm để luyện kỹ năng, tạo sự tự nhiên, mạnh dạn cho các em. Khi các em luyện nói, giáo viên đi kiểm tra, theo dõi từng nhóm. Nếu thấy hiện tượng học sinh gặp khó khăn hay sai sót, thầy (cô) cần uốn nắn, chỉnh sửa kịp thời từng tiếng, từng câu xoay quanh chủ điểm các em đang nói.

Ví dụ: Khi học sinh luyện nói về 1 tình huống “*Xin lỗi* – trang 83, TV1, tập 2” có một tình huống như sau: Các em đang xếp hàng vào lớp. Em sơ ý giẫm vào chân bạn. Em cần xin lỗi bạn như thế nào? Khi giáo viên đưa ra tình huống trên thì có một học sinh trả lời: “Từ lần sau không thế nữa”. Đây là câu xin lỗi trống không, cộc lốc, chưa đầy đủ, chưa đạt yêu cầu. Lúc này giáo viên cần nói cho học sinh biết rằng câu xin lỗi của em chưa được. Em cần phải nói: “*Mình xin lỗi bạn nhiều nhé! Lần sau mình sẽ cẩn thận hơn!*” hoặc nói: “*Xin lỗi bạn !Mình không cố ý đâu!*”, ... Như vậy học sinh sẽ thấy mình cần nói như cô đã sửa mới đúng và từ đó làm theo để có lời xin lỗi đúng trong các tình huống tương tự.

* **Bước 3.** *Luyện nói trước lớp.*

Sau khi các em đã luyện nói trong nhóm, giáo viên yêu cầu học sinh đại diện nhóm lên trình bày. Thông thường giáo viên để cho các nhóm trưởng cử bạn có năng lực nói tốt. Tuy nhiên để tránh tình trạng chây lười, ngại nói, giáo viên có

thể gọi học sinh bất kì trong nhóm lên luyện nói trước lớp, đặc biệt là các em hay rụt rè, không dám nói trước đám đông.

Ví dụ: Dạy học sinh luyện nói về chủ điểm “*Giúp bạn*”. Sau khi cho học sinh luyện nói theo nhóm đôi, giáo viên yêu cầu học sinh luyện nói trước lớp. Theo các câu hỏi gợi ý: *Em nhìn thấy những gì trong tranh? Hai bạn giúp nhau việc gì? Bạn được giúp sẽ nói gì với bạn của mình? Em đã giúp bạn việc gì chưa?* Khi học sinh luyện nói trước lớp theo các câu hỏi trên. Giáo viên cần gọi học sinh nhút nhát, nói yếu trong nhóm lên luyện nói trước tập thể các bạn. Làm như vậy giúp học sinh mạnh dạn hơn, không ngại nói nữa nếu một vài lần được cô khen. Từ đó các em tự tin hơn và hứng thú tham gia luyện nói trước lớp, trước đám đông, ...

* **Bước 4.** *Hướng dẫn học sinh nhận xét.*

Khi mỗi học sinh trình bày nội dung luyện nói trước lớp, giáo viên gọi học sinh khác nhận xét kết quả luyện nói của bạn mình. Khi nhận xét yêu cầu học sinh không được nêu chung chung mà cần nêu cụ thể về nội dung luyện nói, về tác phong nói của bạn. Đối với học sinh nói yếu thì khi gọi học sinh khác nhận xét, giáo viên yêu cầu nhận xét thêm về mức độ tiến bộ của bạn nhằm giúp bạn tự tin và tiến bộ hơn nữa.

Ví dụ: khi gọi học sinh nhận xét bạn về chủ đề nói “*Cảm ơn*- trang 69- TV1, tập 1”. Qua nghe bạn nói theo những nội dung câu hỏi gợi ý: *Em thấy gì trong tranh? Trong tranh vẽ ai đang cảm ơn bạn? Khi nói lời cảm ơn ánh mắt cần phải như thế nào?* Giáo viên yêu cầu nhận xét kết quả luyện nói của bạn. Học sinh có thể nhận xét: “*Bạn nói rõ ràng, lưu loát theo nội dung câu hỏi. Bạn mạnh dạn khi nói*”. Với những học sinh nói yếu thì giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét trên tinh thần động viên để bạn mau tiến bộ và tự tin hơn. Chẳng hạn: “*Bạn A đã nói rõ ràng hơn. Bạn nói tự tin và đã tiến bộ rất nhiều. Cả lớp khen bạn*”

*** Bước 5:** *Giáo viên nhận xét, tổng kết.*

Sau khi học sinh nhận xét về kết quả luyện nói của bạn, của nhóm bạn thì giáo viên đi đến tổng kết nhận xét chung. Thầy (cô) cần nhận xét một cách cụ thể yếu tố đạt được và hạn chế cần khắc phục của học sinh trên tinh thần khen ngợi, khuyến khích các em. Tuy nhiên giáo viên cần sửa chữa, uốn nắn kịp thời những lỗi sai mà học sinh mắc để các em hoàn thiện hơn trong cách diễn đạt của mình. Cuối cùng giáo viên cần chọn ra những học sinh nói tốt làm gương cho các bạn khác học tập và phân đấu.

Ví dụ: Dạy học sinh luyện nói về chủ đề “*Bà em*” trang 101, TV1, tập 1” tôi đã hướng dẫn học sinh theo các bước sau:

Bước 1: Cho học sinh nêu tên chủ đề luyện nói “*Bà em*”. Sau đó giáo viên đưa tranh minh họa phần luyện nói trên màn hình để kích thích sự hứng thú của học sinh. Học sinh quan sát tranh và xác định nội dung luyện nói qua hệ thống câu hỏi gợi ý nhằm định hướng nội dung luyện nói cho học sinh: *Bà thường làm những công việc gì trong nhà ? Bà giúp em làm gì? Tình cảm của em đối với bà như thế nào?*

Bước 2: Tôi cho học sinh luyện nói theo nhóm đôi vì đây là chủ đề luyện nói gần gũi, thân thuộc với học sinh. Các em luyện nói trong nhóm chỉ là để có cơ hội được trình bày với bạn mà thôi. Dựa vào câu hỏi gợi ý, tôi yêu cầu học sinh luyện nói trong nhóm với thời gian khoảng 2 phút. Khi đó tôi đi kiểm tra từng nhóm và giúp đỡ học sinh nói yếu, uốn nắn, chỉnh sửa cho các em. Những học sinh lười nói hoặc nói yếu, tôi yêu cầu nói nhiều lần trong nhóm để các em luyện kỹ năng và mạnh dạn hơn

Bước 3: Sau khi các nhóm đã luyện nói, tôi gọi bất kì học sinh trong nhóm trình bày nội dung luyện nói. Có 2 học sinh nói áp ứng, tôi gọi các em lên trình bày đầu tiên và sau đó gọi tiếp 2 học sinh nói thành thạo (tất cả 4 em trình bày) Nội dung các em diễn đạt xoay quanh các câu hỏi gợi ý. Có học sinh trình bày

như sau: *Hàng ngày bà nội em đi chợ mua thức ăn cho cả nhà. Bà còn dọn dẹp nhà cửa. Bà giúp em học bài và kể chuyện cho em nghe. Em rất yêu bà nội của em.*

Bước 4: Tôi gọi học sinh trong lớp nghe bạn trình bày và nhận xét. Trong khi học sinh nhận xét tôi yêu cầu các em nêu cụ thể về nội dung bạn đã nói được và tác phong nói của bạn. Với những học sinh nói chưa tốt, tôi cho các em nhận xét thêm cả sự tiến bộ của bạn với phương châm khích lệ, động viên là chính. Ví dụ: “Bạn đã nói được theo nội dung chủ điểm. Nói tự tin hơn. Cả lớp tuyên dương bạn”

Bước 5: Giáo viên tiến hành nhận xét, tổng kết. Tôi chỉ ra những nội dung mà học sinh đã thực hiện được và tuyên dương, khen ngợi các em. Đồng thời tôi cũng nêu rõ những điểm cần khắc phục để học sinh sửa chữa và hoàn thiện. Những học sinh nói tốt sẽ được lấy làm gương để các bạn khác phấn đấu, học tập, noi theo. Được cô giáo động viên, các em rất hứng thú và tự tin.

4.3. Giải pháp 3: Phân loại khả năng nói của học sinh trong lớp

Để có thể giúp đỡ học sinh nói tốt hơn, việc đầu tiên theo tôi cần làm là người giáo viên cần phải nắm rõ được khả năng nói của từng học sinh. Sau đó, giáo viên cần phân loại khả năng nói theo từng nhóm đối tượng cụ thể ví dụ như nhóm học sinh tiếp thu bài tốt (nói đúng, tự nhiên, lưu loát) thì tôi cần bồi dưỡng bằng các câu hỏi mở rộng, phân công làm nhóm trưởng để có thể nhận xét và giúp các bạn trong nhóm sửa sai.

Đối với học sinh tiếp thu bài còn chưa nhanh chỉ biết nói theo mẫu, đúng chủ đề thì giáo viên tạo nhiều tình huống phù hợp cho các em luyện nói. Khuyến khích các em nói trước đám đông, giúp các em mạnh dạn, tự tin hơn.

Đối với học sinh tiếp thu bài chậm, ngọng, thì tôi luôn cung cấp cho học sinh vốn từ thật chuẩn (qua phần tập đọc, quan sát tranh, vật thật) Tôi luôn hướng dẫn tỉ mỉ và cụ thể, không nóng vội khi các em nói sai, nói nhỏ, tôi kiên

trì sửa cho các em, dành nhiều thời gian quan tâm hơn để kèm cặp, rèn luyện cho các em nhiều hơn so với các bạn.

Ví dụ: Với chủ đề “ Cây cối” (bài 12: H h L l – Sách TV 1 Tập 1- KNTTVCS trang 36)

+ Với nhóm tiếp thu bài tốt: Ngoài việc quan sát tranh để xác định cảnh trong tranh để nói về loài cây. Ngoài ra các em còn nói về tên các bộ phận, lợi ích của chúng.

+ Với nhóm học sinh tiếp thu bài chưa nhanh tôi yêu cầu các em xác định cảnh trong tranh vẽ gì? Nêu tên các bộ phận?

+ Với nhóm học sinh tiếp thu chậm, tôi chỉ yêu cầu các em quan sát tranh nói tên các loại cây; Nhà em có trồng những loại cây nào có trong tranh không? Trong khi hoạt động nhóm tôi thường xuyên giúp đỡ học sinh và khen ngợi học sinh, đặc biệt là những em tiếp thu chậm, ngưng về phát âm. Không quát nạt, gò ép các em, tạo cho các em một cách thoải mái để giúp các em xoá tan đi nỗi sợ hãi, giúp em tự tin, mạnh dạn hơn.

Như vậy, có thể nói việc phân loại học sinh ngay từ đầu năm học có vai trò quan trọng trong việc định hướng việc dạy học theo đối tượng đối với người giáo viên, phần nào quyết định chất lượng dạy học, góp phần nâng cao kỹ năng nói cho học sinh. Dạy học đúng đối tượng, phù hợp với khả năng của từng học sinh cũng là một trong những nguyên tắc của việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy được tính tích cực của học sinh trong quá trình dạy học.

4.4. Giải pháp 4. Sử dụng một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để nâng cao kỹ năng luyện nói cho học sinh

Ở giai đoạn 6 tuổi, các em bắt đầu làm quen với môi trường học tập mới, chuyển từ chế độ vui chơi sang học tập, cơ thể chưa thích nghi nên sẽ rất khó khăn trong các hoạt động học tập và rèn luyện tại lớp. Ở đây các em bắt đầu được học cách giao tiếp bằng cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thông qua

chương trình môn Tiếng Việt 1; Trong một tiết Tiếng Việt có 4 hoạt động chính trong đó hoạt động khởi động là hoạt động đầu tiên của mỗi bài học mới. Khởi động bài học thường chỉ chiếm một vài phút đầu giờ nhưng có ý nghĩa rất quan trọng gây sự tập trung, chú ý, lôi cuốn học sinh vào bài một cách nhẹ nhàng và hấp dẫn. Thông qua khởi động, các em có cơ hội làm quen với các thuật ngữ, từ khóa ngay đầu bài học, nhằm kích thích sự tò mò, ham muốn, hứng thú để học sinh tích cực tham gia vào phần hình thành kiến thức mới. Sau đây tôi xin đưa ra một số kĩ thuật dạy học tích cực tôi thường sử dụng nhằm giúp các em tự tin trong giao tiếp với bạn bè và thầy cô:

a. Kĩ thuật khăn trải bàn: là sự kết hợp của nhiều cá nhân để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung được giao nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh, phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với nhau.

Ví dụ: Khi dạy **Bài 76 oan oản oắt** để củng cố lại kiến thức cũ ở **bài 77 oai uê uy** tôi đã tổ chức cho các em khởi động bằng trò chơi ứng dụng kĩ thuật khăn trải bàn như sau:

- Phổ biến luật chơi: Các em làm việc theo nhóm 4, mỗi nhóm sẽ được nhận 1 tờ giấy A3, mỗi cá nhân sẽ viết đáp án của mình vào một góc của mảnh giấy, sau đó tổ trưởng và thư ký tổng hợp, nêu đáp án trước lớp. Trong cùng một thời gian nhất định, tổ nào nếu được nhiều đáp án đúng nhất sẽ là tổ dành chiến thắng.

- Tiến hành trò chơi: Khoảng 5 phút

- Yêu cầu đề bài: Hãy tìm cái tiếng, từ có chứa các vần *oai, uê uy*

Qua hình thức chơi này các em được làm việc cá nhân thông qua hình thức hợp tác với nhóm để hoàn thành nhiệm vụ chung, nên bắt buộc mỗi HS đều phải động não suy nghĩ và làm việc, giúp các em nắm được kiến thức bài cũ; luyện thêm kĩ năng viết chính tả. Và có một tâm thế sẵn sàng để đi vào bài học mới.

b. Kỹ thuật tia chớp: là sự làm việc cá nhân nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các cá nhân học sinh lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như chớp)

Ví dụ: Khi dạy

Bài 17 G g Gi gi

tôi sẽ tổ chức phân khởi động như sau: đưa ra một số, tiếng, từ, câu có chứa các nội dung có liên quan đến bài cũ

<p>Tiếng nào có chứa âm m</p> <p>me nơ bé cá</p>	<p>Em hãy đọc to các từ sau</p> <p>nơ đơ cá mè ca nô</p>
<p>Trong câu sau tiếng nào có chứa âm m, phân tích câu tạo tiếng đó</p> <p>Bố mẹ cho Hà đi ca nô</p>	<p>Hãy giới thiệu về bản thân em</p>

và tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi theo hình thức cá nhân

- Phổ biến luật chơi: Mỗi yêu cầu sẽ được chiếu trên màn hình ti vi, mỗi cá nhân phải suy nghĩ và tìm đáp án thật nhanh để trả lời bằng cách giơ tay, ai nhanh nhất và trả lời đúng được nhiều câu hỏi nhất sẽ là người chiến thắng.

Qua trò chơi này bắt buộc mỗi cá nhân tự thân vận động và đặc biệt phải thật nhanh và chính xác, nhằm kích thích tư duy và khơi dậy lại kiến thức cũ cho các em.

*** Một số phương pháp dạy học vào dạy luyện nói trong môn Tiếng Việt mà tôi đã sử dụng vào dạy học:**

a, Phương pháp trực quan

Phương pháp này đòi hỏi học sinh được quan sát vật thật, tranh ảnh tự nhiên và diễn đạt lại những gì đã được quan sát khi nhìn tranh. Mỗi hình vẽ trong tranh là một tình huống thể hiện chủ đề của bài. Khi học sinh đã quen với luyện nói, Gv sẽ nâng dần hình thức trong quá trình dạy luyện nói:

+ Gv chuẩn bị hệ thống câu hỏi gợi mở thật kĩ. Ban đầu là những câu hỏi dành cho học sinh chọn và giúp cả lớp có những ý chính của chủ đề luyện nói. Sau đó câu hỏi được nâng dần cao hơn, khái quát hơn.

Ví dụ: Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1. Nói về bản thân.

Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh và cho học sinh xem những gợi ý có sẵn để nói lại câu hoàn chỉnh.

- Từ khi đi học lớp 1, em:

+ Thức dậy sớm hơn.

+ Ăn sáng nhanh hơn.

+ Không khóc nhè.

+ Không ngóng bố mẹ đón về.

- Học sinh 1: Từ khi đi học, em thức dậy sớm hơn, ăn sáng nhanh hơn

Học sinh 2: Mình tên là Trương Thị Tú Anh. Mình là một lớp trưởng. Mình rất thích học Toán. Từ khi đi học mình dậy sớm để ăn sáng.

Học sinh 3: Tôi tên là Vũ Quang Thắng, năm nay tôi 6 tuổi. Tôi đang học lớp 1. Từ khi đi học, tôi không ngóng bố mẹ đón về, không khóc nhè nữa.

Ví dụ: Bài 4: E e – Ê ê . Chủ đề luyện nói: Trên sân trường

Tôi đã đưa ra một số câu hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh ở đâu? Vào lúc nào?

+ Có những ai trong tranh? Bao nhiêu người?

+ Các bạn đang làm gì?

+ Trong tranh còn có gì khác?

Tôi gọi nhiều em trả lời.

Học sinh 1: ở sân trường

Tôi yêu cầu học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Học sinh 1 trả lời lại: Các bạn đang chơi ở sân trường.

Học sinh 2:vào giờ ra chơi

Học sinh 3:... các bạn đá cầu, nhảy dây, đuổi bắt ...

Qua phần trả lời đó, tôi đã dùng chính các em sửa cho các em nên các em nhớ nói đúng câu ở những lần nói sau.

Qua đó tôi thấy các em rất hứng thú học tập được trao đổi với các bạn, em nào cũng được nói và nói tốt về chủ đề.

Muốn cá thể hóa đến từng học sinh người thầy phải tổ chức sao cho mỗi em đều có cơ hội được nói. Mỗi cá nhân phải độc lập làm việc, học cá nhân là một việc chiếm nhiều thời gian và bắt buộc học sinh phải thực hiện. Bước đầu khuyến khích học sinh khá giỏi nói trước, sau đó tiến tới các đối tượng khác, đặc biệt là các em nhút nhát bằng hình thức khen ngợi, động viên khen nhiều hơn.

Như ở lớp tôi có em Trương Tùng Lâm, tư duy phát triển chậm hơn các em khác trong lớp. Đầu năm còn rụt rè, cô giáo hỏi điều gì em chỉ gật đầu hay trả lời có hoặc không. Sau một thời gian học, qua các bài học, tôi đã dành những câu hỏi dễ hơn với em đó. Mới đầu em nói chưa thành câu, dần dần em cũng có tiến bộ, nói đúng câu và mạnh dạn hơn trước.

b, Phương pháp đàm thoại, vấn đáp

Giáo viên đưa ra nhiều câu hỏi để học sinh trả lời nhằm phát hiện sự hiểu biết của các em. Và cũng dựa trên lời nói của các em, Gv sẽ chỉnh sửa câu nói sao cho rõ, gọn, đủ ý, diễn đạt ý theo nội dung câu hỏi xoay quanh chủ đề.

Ví dụ: Bài luyện nói “*Nói về các con vật em yêu thích*” Giáo viên có thể nêu ra tình huống sau: Khi nói về các con vật, có bạn hỏi em: “Bạn yêu quý con vật nào nhất? Bạn có thể kể cho tớ nghe về nó được không?” Em sẽ nói về con vật đó với bạn thế nào để bạn cũng thấy mến nó? Học sinh sẽ phát hiện ra vấn đề cần giải quyết là: Nói với bạn về con vật mình yêu quý để bạn cũng mến nó. Giáo viên cần gợi ý để học sinh tìm cách giải quyết, hướng các em về giới thiệu con vật mình quý mến, giới thiệu những nét đáng yêu của con vật đó.

(Ví dụ: Tớ có một con chó rất xinh, nó có bộ lông vẫn đen nên tớ gọi nó là Vện. Nó rất khôn, tớ đi học về là nó chạy tới, ngoáy tí cái đuôi. Tớ còn dạy nó chơi bóng với tớ, mỗi khi quả bóng lăn ra xa nó lại chạy đến tha về cho tớ.....)

Sau khi học sinh trình bày trước lớp, giáo viên yêu cầu cả lớp nhận xét, đánh giá bài làm của bạn. Giáo viên có thể hỏi: Nghe bạn kể, con thấy con vật của bạn có gì đáng yêu? Bạn dùng những từ nào để nói về sự đáng yêu đó? Cuối cùng giáo viên nêu nhận xét, khen và động viên để tạo hứng thú cho các em luyện nói.

Tuy nhiên không có một phương pháp, hình thức nào là áp dụng tuyệt đối, tối ưu mà ở đây người giáo viên phải phối hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học với nhau thì kết quả giờ dạy mới cao.

Như vậy qua mỗi tiết học giáo viên cần nghiên cứu kỹ mục tiêu bài dạy để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học hiệu quả và liên hệ thực tế, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua nội dung luyện nói để các em có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với các tình huống giao tiếp trong cuộc sống.

c, Phương pháp quan sát, động viên khen thưởng học sinh

Trong tiết dạy tôi thường chú ý đến học sinh ít nói, thụ động, học sinh nói nhỏ, nhút nhát để gọi các em thường xuyên trả lời. Đối với học sinh giỏi – khá tôi thường khích lệ, khen ngợi để các em phấn khởi hơn. Còn đối với học sinh trung bình – yếu tôi nhẹ nhàng an ủi động viên: “ Cố lên, rồi các em sẽ nói to, rõ ý, nói được thành câu như các bạn nếu các em cố gắng luyện nói trước lớp nhiều cũng như ở nhà.” Trong tiết dạy, tôi còn thường xuyên mời các em lên trả lời cho cả lớp bằng câu: “Bạn nào ở nhà đã tập trả lời câu hỏi, biết trả lời câu hỏi này của cô lên nói cho cả lớp nghe nào!. Những ngày đầu thì chỉ vài ba em, nhưng dần dần rất nhiều em đã chăm chỉ luyện trả lời câu hỏi trước ở nhà và mạnh dạn

lên bảng trả lời cho cả lớp nghe vì các em được khen giỏi, chăm chỉ học bài ở nhà.

Sau khi cho cả lớp đọc xong, tôi mời các em nhút nhát, rụt rè lên bàn giáo viên để cùng trả lời câu hỏi của cô. Tôi giành nhiều thời gian cho đối tượng này hơn. Cùng luyện nói với các em trong giờ ra chơi (nhưng vẫn để cho các em có thời gian thư giãn, nghỉ ngơi). Khi các em có biểu hiện tiến bộ tôi thường khen thưởng các em bằng những phần quà nhỏ như cuốn vở, viên phấn màu, cây bút đẹp vv... để các em thích thú và cố gắng hơn. Khen thưởng, khích lệ bằng những lời khen, lời động viên là món ăn tinh thần không thể thiếu với các em trong bất kì buổi học nào. Nó là động lực để các em ngày một cố gắng và tiến bộ hơn trong học tập.

d, Phương pháp học nhóm

Ngay từ đầu năm học qua khảo sát, phân loại học sinh trong lớp tôi bố trí cho học sinh giỏi kèm học sinh yếu, em mạnh dạn, tự tin ngồi gần em nhút nhát, chưa biết diễn đạt để giúp bạn học tập, ưu tiên những học sinh yếu được ngồi ở dãy bàn thứ nhất và thứ hai trong lớp. Trong từng giờ học, tôi luôn chuẩn bị nhiều câu hỏi mở, dễ để lúc nào tôi cũng gọi các em rụt rè, nhút nhát trả lời câu hỏi nhiều hơn những bạn học sinh khác, thảo luận hỏi đáp theo nhóm đôi (trong cùng bàn) để học sinh chưa mạnh dạn , chưa biết trả lời sẽ nói theo học sinh giỏi, và học sinh nói nhỏ, nói chưa rõ ý cũng được luyện tập nhiều hơn. Việc học tập trong nhóm tăng cường tính tích cực, chủ động, linh hoạt.

Ví dụ: Bài luyện nói về chủ đề: “Chào hỏi” Sách Tiếng Việt 1 tập 1.

- Gv chia lớp thành các nhóm (đôi, ba, tư)

- Câu hỏi thảo luận: Theo em, Nam sẽ nói gì khi gặp bác bảo vệ? Nếu em là bác bảo vệ, em sẽ nói gì với Nam?

- Từng cá nhân sẽ chia sẻ với các bạn mình trong nhóm về câu trả lời của mình, các thành viên khác nhận xét góp ý bổ sung cho bạn rồi thống nhất cách làm. Nhóm trưởng sẽ lên báo cáo kết quả làm việc của nhóm.

- Các nhóm sau khi thảo luận sẽ trình bày trước lớp dưới sự điều khiển của giáo viên. Cuối cùng giáo viên nêu ý kiến, nhận xét, tuyên dương nhóm trả lời tốt.

Ví dụ 1: Bài luyện nói về chủ đề: “*Giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập*”. GV chia lớp thành các nhóm (nhóm đôi, ba, tư). Câu hỏi thảo luận: Hãy chia sẻ cách giữ gìn sách vở của mình cho bạn. (Gợi ý: Bạn đã làm gì để giữ gìn sách vở? Để sách vở luôn sạch, đẹp không bị quăn mép, long bì thì bạn cần làm gì?...). Từng cá nhân trình bày trong nhóm cách làm của mình, các thành viên khác nhận xét góp ý bổ sung cho bạn rồi thống nhất cách làm. Nhóm trưởng lên báo cáo kết quả làm việc (các thành viên trong nhóm luân phiên làm nhóm trưởng). Các nhóm sau khi thảo luận sẽ trình bày trước lớp dưới sự điều khiển của trưởng ban học tập. Các nhóm sẽ giao lưu bổ sung ý kiến. Cuối cùng giáo viên nêu ý kiến và đánh giá tinh thần làm việc của các nhóm.

e, Phương pháp tổ chức các trò chơi

Giáo viên cần lựa chọn và xem xét xem bài nào, phần nào của bài tổ chức hoạt động trò chơi học tập đem lại hiệu quả cao hơn các phương pháp khác thì mới nên làm chứ không nên làm tràn lan không hiệu quả.

Giáo viên phải nắm chắc nội dung của giải pháp nói trên và cách tiến hành giải pháp để vận dụng đúng lúc đúng chỗ. Cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chú ý tới yếu tố cơ sở vật chất, không gian phòng học, đồ dùng dạy-học và đối tượng học sinh trong lớp.

Cần có các biện pháp linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo cách thức hoạt động trò chơi học tập như: Tổ chức thành các trò chơi học tập; đóng kịch; cuộc thi; sưu tầm; biểu diễn; hái hoa dân chủ;... Có thể tổ chức trong lớp học hoặc tổ chức ngoài trời tùy thuộc vào yêu cầu của bài học.

Ví dụ: Bài luyện nói: “*Nói về sen*” (Tiếng Việt 1 tập hai - trang 92). Giáo viên có thể đưa ra trò chơi “Thi nói về sen” giữa 2 đội chơi, mỗi đội 5 em. Hai đội sẽ bốc thăm giành quyền nói trước, mỗi em nói một câu về sen, hai đội luân phiên nhau nói, câu sau không được trùng câu trước. Đội nào có câu nói lặp lại hoặc dừng trước sẽ thua cuộc. Mỗi trò chơi đều phải có luật chơi. Trò chơi học tập cần có luật chơi đơn giản, dễ nhớ, dễ thực hiện và thời gian chơi ngắn, phù hợp với trình độ của học sinh. Luật cũng cần được phổ biến rõ ràng trước cuộc chơi.

+ Tuy nhiên cũng không nên lạm dụng trò chơi quá nhiều trong giờ học, chỉ nên chơi vào ít phút cuối của giờ học, khi xuất hiện yêu cầu củng cố kiến thức, kỹ năng, khi học sinh đã có dấu hiệu mệt mỏi. Lúc đó trò chơi sẽ tạo sự hưng phấn để kết thúc tiết học và tạo thư giãn cho các em bước vào tiết học tiếp theo.

+ Trò chơi học tập trong giờ luyện nói có thể kết hợp các vận động như: truyền điện, nói và viết lên bảng lớp....

Ví dụ: Thi nói tiếp sức về đề tài trong bài: “*Nói về các con vật mà em biết*” (Tiếng Việt 1 tập hai - trang 149) hoặc thi tiếp sức (theo đội) điền vào chỗ chấm tên các con vật mà em biết: Nhanh như.....Dữ như.....Hiền như.....Chạy như.....Hót như.....Đen như.....Nhát như.....

Ở mỗi câu trên có thể gọi nhiều em nói để tạo ra sự phong phú, đa dạng qua đó học sinh thấy rằng có nhiều cách diễn đạt một ý hoặc cùng một sự vật có thể được nhìn bằng nhiều góc độ khác nhau. Như vậy còn rèn được cho học sinh óc sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú.

+ Trò chơi học tập thực hành ngay sau bài mới.

Ngay sau khi nhận biết kiến thức mới học các em rất hứng thú vì thế giáo viên tạo điều kiện cho học sinh củng cố và tập vận dụng kiến thức mới học ngay sau khi học bài mới để các em bước đầu chiếm lĩnh kiến thức mới ngay ở lớp. Trong sách giáo khoa cấp Tiểu học sau phần bài học thường có bài tập để tạo

điều kiện cho học sinh củng cố kiến thức mới học qua thực hành và bước đầu tập vận dụng kiến thức mới lĩnh hội để giải quyết các vấn đề cụ thể.

Ví dụ: Sau khi học sinh lớp 1 học xong tiết 1 bài 13 âm **n** và **m** để củng cố kiến thức vừa học giáo viên cho các em chơi trò chơi “Chiếc hộp bí mật”. Phát cho các em mỗi nhóm 1 hộp có nhiều thẻ chữ chứa các tiếng khác nhau. Yêu cầu các nhóm tìm các thẻ chữ chứa tiếng có âm **n**, **m** rồi gắn vào bảng cài trong 3 phút chẳng hạn. Có thể chia nhóm chơi theo bàn ngồi, các nhóm nhận xét cho nhau, rồi giáo viên kết luận, nhận xét kết quả các nhóm.

+ **Trò chơi học tập dạy bài thực hành rèn kỹ năng (Luyện tập, Luyện tập chung, Ôn tập).**

Mục tiêu chung của dạy học các bài Luyện tập thực hành là củng cố kiến thức học sinh mới chiếm lĩnh được. Còn đối với bài Luyện tập rèn kỹ năng thì giúp học sinh nhận ra kiến thức đã học hoặc một số kiến thức mới trong nội dung các bài tập dạng khó hơn.

Ví dụ: Ôn tập về các vần giáo viên cho các em chơi trò chơi “Chiếc nón kì diệu” trên chiếc hoa vòng tròn có các vần kèm theo dấu thanh, mũi tên là phụ âm đầu. Luật chơi là các em quay vòng tròn khi vòng tròn dừng lại mũi tên chỉ vào vần nào thì các em ghép phụ âm đầu ở mũi tên với vần đó đọc thành tiếng là thắng cuộc.

****Tổ chức các trò chơi học tập theo nhóm để luyện cơ miệng cho học sinh***

Giáo viên chia học sinh thành các nhóm nhỏ để các em cùng hỗ trợ nhau trong quá trình luyện phát âm.

Giáo viên tạo thêm không gian giao tiếp như cho học sinh ra ngoài sân trường vào giờ ra chơi để vui chơi. Tuy nhiên, cho tiếp xúc nhiều không phải là ai cũng tiếp xúc, mà nên tách những bạn phát âm sai, nói giọng địa phương ra chơi ở các khu vực khác nhau để tránh học nhau, chịu ảnh hưởng từ phía bạn.

Luyện tập cơ miệng thường xuyên góp phần làm mềm các bộ phận cấu

thành âm thanh của học sinh như lưỡi, hàm. Từ đó giúp học sinh phát âm chuẩn hơn. Việc luyện tập cơ miệng thường xuyên phải được quan tâm khi học sinh học tập ở lớp cũng như luyện tập ở nhà mới đem đến hiệu quả như mong đợi của việc sửa nói ngọng cho học sinh. Nếu việc luyện cơ miệng không được thực hiện thường xuyên thì các bộ phận tạo ra âm thanh của học sinh cứng và phát âm khó chuẩn.

Có thể cho học sinh tập bài tập luyện cơ miệng vào đầu buổi học như: Há miệng to và nói kéo dài “A...a...” ... Thực hiện mỗi bài tập làm khoảng 5 - 7 lần, liên tục thay đổi bài tập để có sự phong phú và không gây nhàm chán với học sinh.

Ngoài ra, giáo viên có thể kết hợp giữa bài tập với các trò chơi để các em hứng thú hơn và không bị chán: “Đố vui có thưởng”, “Tìm tên đồ vật”, “Giả tiếng của con vật” ...

Cuối mỗi chủ đề, giáo viên tổ chức các cuộc thi hùng biện, kể chuyện, đọc thơ... Thời gian đầu giáo viên sẽ đọc truyện, hát cho các em nghe, sau đó khuyến khích học sinh kể lại hoặc hát những bài hát thiếu nhi mà em yêu thích. Giáo viên dành thời gian sưu tầm những câu chuyện ngắn gọn, vui vẻ để tạo hứng thú cho các em. Quá trình học sinh kể chuyện, hát sẽ giúp các em dần dần phát âm chuẩn hơn.





f, Phương pháp thực hành giao tiếp

Phương pháp thực hành giao tiếp là xây dựng nên các tình huống giao tiếp và các hoàn cảnh giao tiếp tốt. Hoàn cảnh giao tiếp trong giờ Tiếng Việt chính là điều kiện lớp học trong giờ luyện nói. Nó gồm: không khí lớp học, tư thế của giáo viên, các hoạt động nghe của học sinh, trật tự lớp học và một số hoạt động khác có ảnh hưởng gián tiếp đến việc nói năng của học sinh. Bởi vì học sinh

không thể nói trong hoàn cảnh lớp học ồn ào hoặc các em sẽ khó diễn đạt trước cặp mắt nghiêm khắc của giáo viên. Các em sẽ tự tin hơn, phấn khởi hơn trước sự chú ý lắng nghe của các bạn, trước ánh mắt trìu mến hoặc những lời động viên khích lệ của cô giáo.

- Khi học sinh đang nói giáo viên không nên ngắt lời một cách tùy tiện bởi sự gián đoạn trong lời nói thường làm các em lúng túng, giáo viên chỉ nên sửa sai hoặc uốn nắn khi các em đã kết thúc phần nói của mình.

Ví dụ: Bài 89: iệp – uop: Chủ đề luyện nói: Nghề nghiệp của cha mẹ

Tôi yêu cầu các em quan sát tranh, từng cặp hỏi đáp theo tranh và hỏi về nghề nghiệp của cha mẹ, bạn trả lời.

Tranh 1 vẽ cô, bác là người làm nghề gì? (nghề nông)

Tranh 2 vẽ cô, bác là người làm nghề gì?

Tương tự tranh 3, 4.

Giới thiệu về nghề nghiệp của cha mẹ em. Sau đó tôi hỏi học sinh: Các em có yêu nghề nghiệp của cha mẹ mình không?

Qua chủ đề luyện nói giáo dục học sinh phải yêu quý những người lao động. Mỗi người trong xã hội đều có nghề nghiệp riêng, nghề nghiệp nào cũng đáng yêu, đáng quý. Chúng ta cần phải tôn trọng và yêu quý nghề nghiệp của mỗi người.

g, Vận dụng phương pháp đóng vai

Phương pháp đóng vai là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với cuộc sống thực tế bằng cách diễn xuất ngẫu hứng không cần luyện tập kịch bản trước.

Phương pháp đóng vai nhằm giúp học sinh thể hiện tình huống giao tiếp bằng cách đóng vai nhân vật giao tiếp, trau dồi trí tưởng tượng, rèn kỹ năng nói trong hội thoại, biết thể hiện ngữ điệu, cử chỉ, hành động khi vào vai nhân vật.

Phương pháp này thường dùng khi dạy các bài nói kiểu tình huống giao tiếp, hoặc trò chuyện, hỏi - đáp về một đề tài.

Những bài sử dụng phương pháp này hiệu quả: Bài 31(Học vắn): Bé tự giới thiệu; Bài 60 (Học vắn): Nói lời cảm ơn; Bài “Bác đưa thư”(sách Tiếng Việt 1 tập hai trang 137) yêu cầu học sinh tập nói lời chào hỏi của Minh (khi gặp bác đưa thư, khi mời bác uống nước).

+ Nhìn chung, vận dụng phương pháp đóng vai trong dạy luyện nói sẽ tạo môi trường tự nhiên để rèn luyện kỹ năng nói, học sinh sẽ sáng tạo lời thoại của mình cho đúng với nội dung bài nêu ra và học sinh nói một cách tự nhiên.

** Một số chú ý khi sử dụng phương pháp đóng vai:*

- Nội dung thực hành đóng vai phải vừa tầm với tất cả học sinh, trong đó tăng độ khó với học sinh khá giỏi, giảm độ khó với học sinh yếu để tạo điều kiện cho các em được tham gia đóng vai theo tình huống giao tiếp.

- Khi tổ chức đóng vai, cần kết hợp với phương pháp kể chuyện, thảo luận ... để tạo điều kiện cho nhiều học sinh được tham gia. có thái độ đúng đắn và vỗ tay tán

thưởng sau khi bạn thể hiện vai diễn.

- Ngoài ra, giáo viên cần biến đổi tình huống giao tiếp đã cho để tạo ra các bài tập tình huống giao tiếp mới phù hợp với từng đối tượng học sinh và giúp học sinh tiến hành bài tập từ đó rèn luyện kỹ năng nói cho các em một cách có hiệu quả.

Ví dụ: ở bài “*Bác đưa thư*”, cô giáo biến đổi tình huống giao tiếp như sau:

“*Một bạn trong vai bác đưa thư đến bấm chuông, Minh đi ra*” Cô mời một em đóng vai bác đưa thư, một em đóng vai Minh. Như vậy, tình huống biến đổi ở chỗ: không chỉ có lời nói của bé mà còn có cả lời nói của bác đưa thư đáp lại khi được Minh chào hỏi và mời nước. Tình huống này có yêu cầu cao hơn, có nhiều em được tham gia đóng vai hơn.

Sau khi học sinh đóng vai, giáo viên tổ chức cho nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, khen ngợi những em thể hiện vai diễn tốt.

h, Phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề

Phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học mà trong đó giáo viên đặt ra những vấn đề của bài học thông qua các tình huống có vấn đề. Từ đó thu hút được sự quan tâm tìm hiểu của học sinh, đòi hỏi học sinh phải tích cực, chủ động suy nghĩ, giải quyết các vấn đề đặt ra để tìm kiếm cho bản thân những kiến thức mới và cách học tập mới. Đây không phải là phương pháp dạy học mới nhưng nhìn chung nhiều giáo viên chưa vận dụng thành thạo phương pháp này hoặc hiệu quả sử dụng chưa cao.

Phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề nhằm hình thành ở học sinh khả năng tư duy giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng, khả năng hợp tác trong đời sống, đặc biệt trong giao tiếp... Phương pháp này đòi hỏi học sinh tham gia giải quyết các vấn đề do một hoặc một số tình huống đặt ra. Nhờ đó, học sinh vừa nắm được tri thức, vừa phát triển tư duy sáng tạo và chủ động chiếm lĩnh tri thức mới.

** Một số chú ý khi sử dụng phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề:*

Tình huống có vấn đề mà giáo viên nêu ra phải phù hợp nội dung bài luyện nói.

Yêu cầu học sinh dựa vào kinh nghiệm sống của mình để tìm thấy tình huống có liên quan đến nội dung bài học. Từ đó học sinh thấy được mối liên quan giữa bài học với thực tế cuộc sống và kích thích sự suy nghĩ của các em.

Sau khi nêu vấn đề, cần gợi ý để học sinh nhớ lại kiến thức đã học có liên quan đến vấn đề, thấy được trình tự giải quyết vấn đề đó.

Ví dụ: Bài luyện nói “*Nói về các con vật em yêu thích*” giáo viên có thể nêu ra tình huống sau: Khi nói về các con vật, có bạn hỏi em: “Bạn yêu quý con vật nào nhất? Bạn có thể kể cho tớ nghe về nó được không?” Em sẽ nói về con vật đó

với bạn thế nào để bạn cũng thấy mến nó? Học sinh sẽ phát hiện ra vấn đề cần giải quyết là: Nói với bạn về con vật mình yêu quý để bạn cũng mến nó. Giáo viên cần gợi ý để học sinh tìm cách giải quyết, hướng các em về giới thiệu con vật mình quý mến, giới thiệu những nét đáng yêu của con vật đó.

(Ví dụ: *Tớ có một con chó rất xinh, nó có bộ lông vẫn đen nên tớ gọi nó là Vện. Nó rất khôn, tớ đi học về là nó chạy tới, ngoáy tí cái đuôi. Tớ còn dạy nó chơi bóng với tớ, mỗi khi quả bóng lăn ra xa nó lại chạy đến tha về cho tớ.....)*

Sau khi học sinh trình bày trước lớp, giáo viên yêu cầu cả lớp nhận xét, đánh giá bài làm của bạn. Giáo viên có thể hỏi: Nghe bạn kể, con thấy con vật của bạn có gì đáng yêu? Bạn dùng những từ nào để nói về sự đáng yêu đó? Cuối cùng giáo viên nêu nhận xét, khen và động viên để tạo hứng thú cho các em luyện nói.

Tuy nhiên không có một phương pháp, hình thức nào là áp dụng tuyệt đối, tối ưu mà ở đây người giáo viên phải phối hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học với nhau thì kết quả giờ dạy mới cao.

Như vậy qua mỗi tiết học giáo viên cần nghiên cứu kỹ mục tiêu bài dạy để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học hiệu quả và liên hệ thực tế, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua nội dung luyện nói để các em có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với các tình huống giao tiếp trong cuộc sống.

4. 5. Giải pháp 5: Tổ chức hoạt động nói trên lớp:

** Hướng dẫn kỹ năng nói thành câu đúng chủ đề:*

Trước tiên giáo viên cho học sinh đọc chủ đề luyện nói để học sinh xác định được yêu cầu.

Quan sát tranh hoặc hình ảnh cho học sinh thời gian suy nghĩ chọn câu chuẩn bị nói. Sau đó, thực hiện trao đổi trong nhóm 2 nói cho nhau nghe trong vòng 1 phút.



Các bài đầu năm học, giáo viên chỉ có thể giới thiệu cho các em: Nói thành câu tức là nói để người nghe hiểu được một ý trọn vẹn.

Các em nói câu phải gắn liền với chủ đề, việc này cần hướng các em luôn bám sát tranh hoặc hình ảnh để nói, tránh lạc nội dung.

** Hướng dẫn tư thế diễn đạt đúng:*

Cần có lời nói thưa gửi với cô giáo lễ phép.

Khi đứng lên nói cần đứng tư thế thoải mái, hai chân đứng thẳng, người ngay ngắn, cột sống không lệch vẹo, hai tay thẳng xuôi.

Khi nói cần biểu hiện nét mặt, ánh mắt, miệng theo nội dung. Các em thể hiện tự tin khi nói.



*** Tôi xin trình bày tổ chức dạy học hoạt động nói ở trên lớp.**

Phần luyện nói được dạy trong thời gian 7 phút đến 8 phút trong giờ Tiếng Việt tiết 2:

Trước tiên giáo viên cần cho 1 học sinh đọc chủ đề luyện nói. Ở những chủ đề chứa các vần chưa học thì giáo viên đọc chủ đề cho học sinh nghe.

Giáo viên giao việc: Quan sát tranh suy nghĩ nói về chủ đề, chú ý nói thành câu.

Dành thời gian khoảng 1 phút cho học sinh quan sát tranh, thảo luận tập nói trong nhóm đôi. Đây là thời gian rất quan trọng để học sinh chuẩn bị câu nói.

Trước khi cho học sinh nói. Giáo viên nhắc cả lớp lắng nghe bạn nói để nhận xét bạn nói thành câu, đúng chủ đề, nói to, tự tin chưa?

Học sinh trình bày trước lớp. Cần dành nhiều thời gian cho phần này. Cần hướng cho học sinh nói thành câu, đúng chủ đề, nói được nhiều câu. Học sinh, giáo viên nhận xét. Cần khai thác triệt để tranh vẽ. Giáo viên cần gợi mở cho học sinh nói được nhiều câu đúng, hay theo chủ đề. Cho học sinh luyện nói cả tranh, các tranh.

Giáo viên đưa câu hỏi liên hệ thực tế. Ở phần này dành ít thời gian.

Cuối cùng giáo viên chốt nội dung, kiến thức giáo dục của bài.

*** Ví dụ:**

Bài 44: iu ưu

Hoạt động 5: (7- 8')

- HS đọc chủ đề nói: *Bà em*

- Đưa hình ảnh lên màn hình. Ứng dụng Công nghệ thông tin.

- GV giao việc:

+ Quan sát 4 tranh, thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ nói cho nhau nghe về chủ đề: *Bà em*. Trong thời gian 1 phút.

- Giáo viên giao việc:

+ Khi bạn nói, HS lắng nghe để nhận xét bạn nói đúng chủ đề chưa? Nói đã thành câu chưa? Diễn đạt thế nào?

- Học sinh trình bày trước lớp. Học sinh có thể nói theo 1 tranh hoặc 2, 3, 4 tranh

- Học sinh nói:

+ Bà đi chợ mua hoa quả.

+ Bà lau bàn. Bà đi đón bé về.

+ Bà đi chợ mua đồ ăn.

+ Bà lau dọn bàn ghế.

+ Bà đón bé ở trường học.

+ Bà dắt bé từ trường về.

+ Bà dạy bạn học bài. Bà đi chợ mua thức ăn. Bà lau bàn ghế.

- Giáo viên gợi ý:

Các em thấy nét mặt bà thế nào? (Em thấy bà luôn vui vẻ.)

Cũng với các nội dung đó, em nào nói câu hay hơn bạn?

Ai nói được nhiều câu?

- Bạn nào nói về bà của mình?

+ Bà em đã già. Hàng ngày bà đi chợ, nấu ăn. Bà dọn nhà cửa. Bà luôn vui vẻ, chăm sóc con cháu.

+ Ngày nào bà cũng đón em ở trường về. Tối đến bà kèm em học bài. Bà kể chuyện cho em nghe. Bà rất yêu em.

- Bà làm nhiều việc giúp đỡ con cháu. Tình cảm của em đối với bà như thế nào? (Em yêu thương bà.)

- Em cần làm gì thể hiện tình cảm với bà? (Em giúp đỡ bà việc nhà...)

- GV cho HS xem 1 đoạn video về Bà của em (liên hệ thực tế những học sinh trong lớp ở với bà vì bố mẹ đi làm ăn xa,...). GV cho HS có bà trong video clip nêu cảm nhận khi xem xong (HS nói lên tình cảm dành cho bà em như thế

nào?). GV động viên khích lệ giúp em cố gắng nỗ lực hơn trong học tập và trong đời sống hàng ngày.

- GV và HS đánh giá HS theo thông tư 27/2020/TT- BGDDT động viên, khen thưởng kịp thời HS tiến bộ.
- Giáo dục kĩ năng sống: Hàng ngày các em cần nói lời yêu thương với bà, luôn quan tâm đến bà, vâng lời bà, giúp bà làm công việc nhà.
- GV cho HS xem video và hát bài hát: Cháu yêu bà.

4.6. Giải pháp 6: Dạy luyện nói trong Kể chuyện.

Kể chuyện giúp học sinh thực hành nói ở mức độ cao. Sau khi nghe giáo viên kể một câu chuyện nào đó, học sinh nhớ nội dung chính và kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện ngắn gọn dựa vào tranh ảnh minh họa và gợi ý của giáo viên. Kể chuyện chính là một dạng luyện nói mà người kể cần phải thể hiện giọng nhân vật theo tích cách của nhân vật đó. Muốn học sinh kể chuyện hay, hấp dẫn đòi hỏi giáo viên cần tuân thủ một số biện pháp sau:

* Giáo viên cần có giọng kể linh hoạt, phù hợp với nội dung, lời kể thật sự hấp dẫn với học sinh. Muốn vậy, giáo viên cần đọc kĩ văn bản cho thật hiểu và nhớ để xác lập được kĩ thuật kể chuyện (về giọng kể, nhịp điệu, ngắt giọng, nhấn giọng, ...)

* Sau đó hướng dẫn học sinh luyện kể chuyện theo các bước cơ bản sau:

+ **Bước 1:** Giới thiệu câu chuyện

Giáo viên cần mở đầu giới thiệu câu chuyện một cách tự nhiên, sáng tạo giúp học sinh hứng thú, tạo ra sự chờ đợi, kích thích trí tò mò, khiến các em muốn được nghe ngay câu chuyện.

Ví dụ: Kể câu chuyện “*Cô chủ không biết quý tình bạn*”, TV1 tập 1, trang 53”
Giáo viên có thể giới thiệu: Được chơi cùng bạn em cảm thấy như thế nào? (Có bạn chơi cùng rất vui). Nếu không có bạn cùng học, cùng chơi, em có cảm giác

thế nào? (Cảm giác buồn và chán). Vậy mà có một cô bé không biết giữ gìn và quý trọng tình bạn. Cuối cùng cô phải sống ra sao? Các em cùng nghe nhé.

+ **Bước 2:** Giáo viên kể chuyện

Lần 1: Kể toàn bộ câu chuyện

Sau khi giới thiệu câu chuyện, giáo viên tiến hành kể chuyện lần 1. Yêu cầu giọng kể của giáo viên phải rõ ràng, mạch lạc, hấp dẫn và thể hiện được tính cách nhân vật trong câu chuyện. Nhịp điệu kể và cách nhấn giọng khi kể của giáo viên giúp học sinh dễ nắm bắt và hình dung ra nội dung câu chuyện một cách rõ nét. Học sinh khi đó cũng hứng thú nghe giáo viên kể và nhập tâm câu chuyện nhanh hơn. Ví dụ: Kể câu chuyện “ Cô chủ không biết quý tình bạn” giọng kể của giáo viên phải thể hiện được giọng của các con vật: gà trống, gà mái, con vịt, con cún và giọng cô bé nói với từng con vật như thế nào?

Lần 2: Kể từng đoạn (kết hợp tranh ảnh hoặc video minh họa cho từng đoạn trong câu chuyện). Khi kể cần chú ý kỹ thuật kể:

+ Giọng kể: vui hoặc buồn, hào hứng hoặc bi lụy.....

+ Nhịp điệu: nhanh hoặc chậm, gấp gáp hoặc hiền hòa, khoan thai.

+ Ngắt giọng tâm lí: ngắt giọng với các chủ ý gây ấn tượng câu chuyện.

+ Biết bổ sung hợp lí một vài từ ngữ vào văn bản của câu chuyện vốn cô đọng, hàm súc, sẽ làm cho lời kể chuyện thêm sinh động, lôi cuốn thêm.

Ví dụ: Khi kể từng đoạn trong câu chuyện “*Cô chủ không biết quý tình bạn*” giáo viên cần cho học sinh quan sát tranh minh họa ứng với nội dung từng đoạn đồng thời đặt câu hỏi để học sinh nắm được nội dung và nhớ được câu chuyện. Cụ thể như sau:

+ **Đoạn 1:** Từ đầu đến “*ngày ngày đẻ trứng*”.

Khi kể hết đoạn 1, giáo viên hỏi học sinh: *Cô bé nuôi con vật gì? Cô bé đối con vật đó lấy con vật nào?*

+ **Đoạn 2:** Tiếp đến “*boi bên cạnh cô bé*”.

Kết thúc đoạn 2, giáo viên hỏi học sinh: *Cô bé đổi gà mái lấy con vật nào?*

Vịt thân thiết với cô bé như thế nào?

+ **Đoạn 3: Tiếp** đến “*đổi vịt lấy em đây*”.

Kể xong đoạn 3 giáo viên hỏi học sinh: *Khi thấy chú chó nhỏ xinh xắn, cô chủ đã làm gì? Cô bé đã nói gì với chú chó nhỏ?*

+ **Đoạn 4: Còn lại.**

Kể hết đoạn 4 giáo viên đặt câu hỏi: *Nghe cô bé nói, chú chó làm gì? Cuối cùng có con vật nào bên cô bé không? Vì sao?*

* **Bước 3:** Học sinh kể chuyện theo từng đoạn

Giáo viên yêu cầu học sinh kể từng đoạn theo gợi ý dưới tranh và hướng dẫn của giáo viên. Đây là bước học sinh thực hành nói sáng tạo nên cần để học sinh nào cũng được tham gia luyện kể. Đối với câu chuyện “*Cô chủ không biết quý tình bạn*” có 4 đoạn nên giáo viên chia lớp theo nhóm 4 (mỗi nhóm có 4 học sinh). Yêu cầu các em hoạt động nhóm quan sát tranh, dựa vào câu hỏi gợi ý dưới tranh và kể nối tiếp từng đoạn trong câu chuyện.

Ví dụ: Ở đoạn 1, học sinh quan sát tranh 1 sẽ phải suy nghĩ và trả lời các câu hỏi: *Cô bé nuôi con vật gì? Cô bé đổi con vật đó lấy con vật nào?* Như vậy các em cần phải nhớ lại nội dung đoạn 1 và trình bày câu trả lời dưới hình thức nói theo ngôn ngữ của bản thân một cách sáng tạo. Chẳng hạn: Ngày xưa có một cô bé nuôi một con gà trống rất đẹp. Mỗi buổi sáng, gà trống gáy vang: “Ồ, ó, o...” để gọi cô bé thức dậy. Một hôm cô bé thấy nhà bà hàng xóm có con gà mái. Cô liền đổi gà trống lấy gà mái. Ngày ngày, gà mái rất chăm đẻ trứng. Nó luôn nhắc cô bé: “Cục ta, cục tác! Cô chủ tí hon ơi, hãy ăn trứng đi cho khỏe người!”

Ở đoạn 2: Sau khi quan sát tranh 2 kèm theo các câu hỏi gợi ý: *Cô bé đổi gà mái lấy con vật nào? Vịt thân thiết với cô bé thế nào?* Học sinh nhớ lại nội dung đoạn 2 và kể lại một cách sáng tạo theo lời của mình: Chẳng hạn: Được ít lâu sau, cô bé lại thích con vịt của bác hàng hàng xóm. Cô bé liền nói: “Bác ơi, bác đổi cho

cháu con vịt này nhé. Cháu sẽ cho bác con gà mái”. Gà mái biết chuyện buồn lắm nhưng không biết làm thế nào vì cô chủ đã quyết định rồi. Ngày ngày, cô bé cùng vịt ra sông bơi. Thỉnh thoảng nó lại vẫy cánh và kêu lên: “ Quạc! quạc! Cô chủ tí hon ơi, đừng bơi ra xa. Lòng sông sâu đấy!”.

Với đoạn 3, sau khi quan sát tranh 3 và các câu hỏi: Khi thấy chú chó nhỏ xinh xắn, cô bé đã làm gì? Cô bé đã nói gì với chú chó nhỏ? Học sinh tái hiện lại nội dung đoạn 3 và kể theo ngôn ngữ của các em.

Ví dụ: Một hôm có người khách đến chơi nhà mang theo một chú chó nhỏ rất xinh xắn. Cô bé thích lắm liền gạ gẫm: “Bác ơi, cháu rất thích chú chó xinh đẹp này. Bác đổi cho cháu chú chó cháu sẽ cho bác con vịt. Vịt con nghe thấy vậy liền kêu to: “Quạc! Quạc!” nhưng chả ích gì. Ôm chú chó nhỏ trong tay, cô bé thì thầm: “Lúc đầu chị có gà trống, sau chị đổi lấy gà mái. Rồi chị lại đổi gà mái lấy vịt. Bây giờ chị thích em lắm nên đã đổi vịt lấy em đấy”

Ở đoạn 4, giáo viên cho học sinh quan sát tranh 4 và đưa ra các câu hỏi gợi ý như sau: Nghe cô bé nói, chú chó đã làm gì? Khi đó học sinh sẽ dễ dàng nhớ lại được nội dung và kể đoạn cuối của câu chuyện. Ví dụ: Chú chó nghe nói vậy liền cụp đuôi chui vào gầm giường. Nó thầm nghĩ: “ Mình không muốn kết bạn với cô chủ không biết quý trọng tình bạn”. Đêm đến, nó tìm cách cạy cửa và trốn đi. Sáng dậy, cô bé buồn rầu vì chẳng còn con vật nào bên cạnh cô nữa.

Khi yêu cầu học sinh kể trong nhóm, giáo viên theo dõi, quan sát và giúp đỡ học sinh yếu, chưa mạnh dạn. Phần báo cáo kết quả: giáo viên gọi 2 nhóm lên thi kể chuyện. Lần lượt 4 học sinh trong mỗi nhóm kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện. Cả lớp lắng nghe, nhận xét rồi chọn ra nhóm kể tốt hơn (nhóm chiến thắng) đề nghị lớp tuyên dương.

* **Bước 4:** Học sinh kể toàn bộ câu chuyện

Đối với những học sinh kể tốt, giáo viên cho các em tự kể toàn bộ câu chuyện để các bạn nghe và học tập. Gặp chỗ học sinh khúc mắc (nếu có), giáo

viên cần hỗ trợ, gợi ý cho các em. Giáo viên yêu cầu học sinh trong lớp chú ý theo dõi, nhận xét cách kể của bạn từ đó học tập và luyện kỹ năng kể chuyện cho bản thân. Giáo viên khuyến khích học sinh kể chuyện một cách sáng tạo, không gò bó, không phụ thuộc nhiều vào từ ngữ trong bản gốc của câu chuyện. Như vậy sẽ giúp học sinh phát triển kỹ năng nói (kỹ năng kể chuyện) và dần dần làm giàu vốn ngôn ngữ cho các em, nâng kỹ năng nói (kỹ năng kể chuyện) của các em lên một mức cao hơn. Phải chăng đó là cũng chính là mục tiêu cơ bản mà mỗi giáo viên cần hướng tới khi dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1.

Giáo viên cũng có thể cho học sinh đóng vai kể lại cả câu chuyện.

Ví dụ: Trong câu chuyện “Cô chủ không biết quý tình bạn” giáo viên gọi học sinh đóng vai: gà trống, gà mái, vịt con, cún con và vai cô bé để kể một cách sáng tạo, hấp dẫn người nghe, làm cho nội dung câu chuyện sinh động hơn.



Tóm lại: Dạy luyện nói trong phân môn kể chuyện là luyện cho học sinh kỹ năng nói sáng tạo ở mức độ cao (kỹ năng kể chuyện), đẩy ngôn ngữ nói của các em lên một tầm mới. Giáo viên cần quan tâm, chú ý theo dõi sự tiến bộ của các em, rèn cho các em tính mạnh dạn, tự tin khi kể chuyện. Đồng thời cần chú ý sửa về ngữ điệu sao cho phù hợp với tính cách các nhân vật trong nội dung câu chuyện. Lời kể đảm bảo rõ ràng, ngắn gọn nhưng đủ ý, phù hợp với nội dung câu chuyện.

4.7. Giải pháp 7: Luyện tập thường xuyên và bồi dưỡng lòng say mê hoạt động nói.

- Trong các giờ Tăng cường Tiếng Việt buổi chiều. Cùng với luyện đọc, luyện viết cần dành thời gian luyện nói cho học sinh. Luyện nói lại một số chủ đề nói khó trong tuần.

- Trong giờ Tăng cường Tiếng Việt, giáo viên cần quan tâm gọi đến những em nhút nhát đứng lên không dám nói. Cần động viên những em này đứng lên nếu chưa biết nói thì nói lại các câu bạn vừa nói cũng được. Đối với những em nói chưa thành câu giáo viên cho bạn nhận xét, bạn sửa lại cho đúng, sau đó cho em đó nói lại câu đúng. Đối với những em diễn đạt chưa tốt giáo viên cần cho em đó nói lại: nói to, ngắt các ý rõ ràng.

- Học sinh sẽ yêu thích học luyện nói hơn khi giáo viên động viên kịp thời. Hãy để tự các em tìm tòi trong tranh sách giáo khoa (hình ảnh trên màn hình) các em tìm ra các câu nói đúng, hay về chủ đề. Đừng bao giờ áp đặt học sinh nói theo khuôn mẫu sẵn, hãy động viên các em tìm và lựa chọn nói nhiều câu sáng tạo.

Ví dụ: Khi luyện nói về chủ đề “*Trường lớp*” với rất nhiều những bài đọc thấm đượm tình cảm thương yêu trong gia đình, cùng với những tiết học phân môn Luyện từ và câu cung cấp, mở rộng vốn từ ngữ cho HS, ngoài việc giúp HS hiểu rõ và nắm chắc người thân của mình là những ai, ngoài việc khai thác và giáo dục tình cảm cho HS thông qua các nhân vật trong bài Tập đọc, nhấn mạnh cái hay, cái đẹp của nội dung bài, hướng cho HS liên hệ đến bản thân, gia đình, người thân của mình, tôi còn cung cấp thêm từ ngữ, hướng dẫn các em hệ thống lại, lựa chọn, ghi nhớ các từ ngữ phù hợp với đề tài (ông bà, cha mẹ, anh em) để chuẩn bị cho bài làm văn sắp tới (viết về người thân), tôi luôn nói với các em sự cần thiết phải học thuộc và lựa chọn những từ ngữ đã học để các em vận dụng vào bài tập làm văn, khơi gợi và kích thích tinh thần học tập của các em.

4.8. Giải pháp 8: Dùng những video học sinh luyện nói tốt về nội dung cùng chủ đề, về các nghi thức lời nói để học sinh khác luyện tập và nâng cao kỹ năng nói của bản thân.

Ở lớp 1, Các em mới từ trường Mầm non chuyển lên, vốn từ của học sinh còn ít, khả năng diễn đạt còn rất lúng túng. Mặt khác, lời văn của các em còn nghèo nàn, khô khan, thiếu tính chân thật, kết câu câu đoạn thiếu hoàn chỉnh. Vì vậy, ngoài việc giáo viên hướng dẫn, gợi mở qua các câu hỏi, tôi thường cho học sinh tìm hiểu thêm những nét lạ, độc đáo của một số đoạn video hay có cùng chủ đề, cùng nội dung vào các tiết luyện tập để học sinh tham khảo và học tập.

Ví dụ 1: Khi nói về chủ đề “Cây trên sân trường”, tôi cho học sinh nghe đoạn video có nội dung sau: “Giữa sân trường em, sừng sững một cây bàng cổ thụ. Mùa đông, cây vươn dài những cành khẳng khiu, trụi lá. Mùa xuân sang, cành trên, cành dưới chỉ chít những lộc non như ngàn ánh nến xanh lung linh. Hè về, tán lá bàng xanh um che mát một khoảng sân trường. Mùa thu đến, từng chùm quả chín vàng lấp ló trong kẽ lá trông thật thích mắt.”

Ví dụ 2: Luyện nói về chủ đề “Loài chim em yêu thích”, tôi cho học sinh nghe video về đoạn văn để luyện nói như sau: “Trên cành tre ngả xuống mặt ao, có một con chim bói cá đậu rất cheo leo. Lông của nó xanh biếc, mình nhỏ, mỏ dài, lông ức màu hung hung nâu, trông rất xinh. Nó thu mình trên cành tre, cổ rút lại. Đầu cúi xuống như kiêu soi gương. Nó lẳng lẳng như vậy khá lâu, ai cũng tưởng nó đang nghỉ vụt một cái, nó lao đầu xuống nước rồi lại bay vụt lên, nhanh như cắt. Trong cái mỏ dài và nhọn, một con cá nhỏ mình trắng như bạc nằm mắc ngang. Bay lên cành cao, lẩy mỏ đập đập mấy cái, bói cá nuốt xong mồi. Nó lại đậu xuống nhẹ nhàng trên cành tre như trước.”

Tôi cho học sinh nghe đi nghe lại nhiều lần để các em học được nội dung cũng như ngữ điệu nói, cách dùng từ của đoạn mẫu. Từ đó các em định ra được những ngữ điệu và những điều cần nói cho bản thân.

4.9. Giải pháp 9. Kết hợp các mối quan hệ: nhà trường, gia đình và xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động nói cho học sinh.

Việc giáo viên phối hợp cùng với cha mẹ học sinh để tìm ra giải pháp tốt nhất. Giáo viên hướng dẫn phụ huynh cách dạy con ôn lại bài ở nhà sẽ giúp các con luyện trả lời câu hỏi của bài trên lớp, nhớ được bài học và trả lời tốt hơn.

Gia đình đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục trẻ. Vì thế, giáo viên cần phối hợp tốt với cha mẹ học sinh để đem lại hiệu quả cao nhất. Giáo viên cần trao đổi với phụ huynh ngay từ khi nhận lớp về đặc điểm tâm sinh lý, khả năng nhận thức của học sinh. Qua đó, giáo viên nắm được tình hình thực tế cũng như tìm được cách dạy dỗ phù hợp nhất. Đầu năm học, ngay từ buổi họp phụ huynh đầu năm, tôi chia sẻ với phụ huynh về những đổi mới của chương trình, chia sẻ về các biện pháp rèn luyện kỹ năng luyện nói. Từ đó định hướng phụ huynh có kế hoạch hướng dẫn con ôn bài ở nhà (trả lời câu hỏi của từng bài).

Việc học nói của học sinh lớp 1 mới chỉ dừng lại ở những bước đầu. Bởi vậy, việc luyện nói cần diễn ra thường xuyên, liên tục mới đem lại hiệu quả tốt.

Ngay từ đầu năm học, giáo viên cần trao đổi với phụ huynh tình hình của các con, cần cho phụ huynh nắm rõ được những yêu cầu cần đạt đối với việc phát âm, nói rõ ý, biết diễn đạt được ý mà mình muốn nói, những ưu điểm và nhược điểm cần khắc phục của mỗi học sinh để phụ huynh có thể nắm được. Trên cơ sở đó, giáo viên đưa ra một số biện pháp phối hợp giữa giáo viên và phụ huynh để giúp các em có kỹ năng tốt trong việc nói và trả lời câu hỏi như:

- Đôn đốc, kiểm tra các con việc luyện nói theo chủ điểm ở cuối bài học khi ở nhà.
- Khuyến khích các con xem video mẫu, luyện nói trước gương, hùng biện, thuyết trình theo chủ điểm để rèn luyện thêm khả năng nói.
- Hướng dẫn các con luyện nói theo chủ đề..

Trong quá trình dạy học, giáo viên phải liên hệ thường xuyên với phụ huynh để thông báo về tình hình học tập của học sinh. Qua đó sẽ nhờ phụ huynh nhắc nhở, kiểm tra, đôn đốc việc học của con em mình. Đối với những học sinh còn nhát, rụt rè, chưa nói được thành câu thể thì giáo viên kết hợp với phụ huynh hằng ngày để giúp đỡ các em hoàn thành nội dung cơ bản của bài học.

Buổi tối cô giáo đề nghị bố mẹ quay những video con tự trả lời câu hỏi ở cuối bài học và nói theo chủ điểm của từng bài rồi gửi cho cô giáo qua zalo. Cô giáo kiểm tra học sinh rồi khen, tuyên dương những bạn đã trả lời tốt để học sinh cố gắng phát huy. Những bạn nói còn nhỏ, nói trống không, chưa rõ ý... thì giáo viên động viên, khích lệ và hướng dẫn học sinh sửa lại để nói thành câu. Giáo viên phải kiên trì phối hợp cùng phụ huynh học sinh để giúp các con tự tin trả lời trước cô và các bạn.

Sau đây tôi cũng xin đưa ra 1 ví dụ ở lớp tôi. Đầu năm nhận lớp thì lớp tôi có 1 em học sinh tên Trương Tùng Lâm. Tôi đã khảo sát thì biết được em này chỉ thuộc vài chữ cái, phát âm còn ngọng rất nhiều do bị ngấn lưỡi, chưa biết diễn đạt ý của mình muốn nói cho mọi người hiểu.. Sau đó tôi gặp cô Lãnh giáo viên chủ nhiệm mẫu giáo của Lâm để tìm hiểu lý do về khả năng nhận thức của con. Và biết được con chậm một phần do gia đình ít quan tâm. Ba mẹ con bận công việc nên không có thời gian quan tâm đến việc học của con. Sau đó tôi đã cố gắng dành nhiều thời gian cho con. Bên cạnh đó tôi nhờ sự giúp đỡ của các bạn ban cán sự, cũng như bạn Tú Anh ngồi bên cạnh Tùng Lâm. Và đến tuần 3 tôi nhận thấy Lâm tiến bộ rất nhiều. Sau đó tôi đã gặp trực tiếp mẹ của Tùng Lâm. Tôi trình bày về tình hình học tập của em như thế này: Lâm dạo này mạnh dạn hơn, con dám nói những điều con muốn nói cho cô và các bạn biết về cảm xúc của bạn ấy lắm chị. Lâm thuộc gần hết bảng chữ cái, đánh vần được các tiếng dễ, bên cạnh đó Lâm biết hết số và đếm được từ 1 đến 10. Lâm chăm học và rất ngoan. Tôi đưa cho mẹ Lâm mẫu giấy có ghi chữ cái Lâm chưa thuộc và

một số tiếng, từ ngoài bài và nhờ mẹ kèm cho con đọc bên cạnh việc kèm trong sách giáo khoa. Sau đó 2 tuần tôi nhận thấy con tiến bộ rất nhiều. Và đến thời điểm hiện tại thì Lâm đã đọc và mạnh dạn, tự tin đứng trước lớp để trả lời câu hỏi rất tốt.

Câu chuyện cho ta thấy để giáo dục học sinh thì cần có sự nỗ lực rất nhiều từ giáo viên, học sinh và cả phụ huynh.

5. Kết quả đạt được

Sau một thời gian áp dụng sáng kiến, tôi tiến hành khảo sát kết quả lớp tôi đã đạt được như sau:

Lớp	Số HS	Số học sinh nói tốt (Nói thành câu, thành đoạn)		Số học sinh nói đạt yêu cầu (Nói đủ câu, lưu loát, đúng chủ đề)		Số Hs nói chưa đạt yêu cầu (nói chưa đủ câu, nói chưa lưu loát, chưa đúng chủ đề)	
		SL	%	SL	%	SL	%
1C (Lớp thực nghiệm)	35	16	45,7	10	28,6	9	25,7
1A (Lớp đối chứng)	35	14	40,0	9	25,7	12	34,3

Nhìn vào kết quả trên tôi hết sức phấn khởi vì giải pháp của tôi đưa ra đã bước đầu thành công. Kết quả rất khả quan. Số học sinh luyện nói đạt điểm cao tăng lên rõ rệt, số học sinh điểm thấp giảm hẳn, không còn điểm dưới 5. Cụ thể: Học sinh đã biết xác định rõ yêu cầu cần nói dựa vào các gợi ý. Nói lưu loát, mạch lạc, rõ ràng và đủ ý (Tú Anh, Vũ Khánh Linh, Phạm Đạt, Trương Tiến Đạt, Yên Nhi, Phương, Vượng, Công, Hùng). Các em học sinh yếu tự tin, mạnh dạn hơn (Thanh Thảo, Tùng Lâm, Sang, Đăng). Nhìn vào bảng ta cũng thấy rõ ràng chất lượng luyện nói của lớp 1C (lớp thực nghiệm) cao hơn nhiều so với lớp

1A (lớp đôi chúng). Đặc biệt là học sinh nói ở mức khá giỏi của lớp 1C đạt ở mức vượt trội so với lớp 1A.

Học sinh không còn thấy khó khăn khi nói nữa. Trái lại, các em rất hào hứng, hăng say phát biểu ý kiến, thích nói và kể trước lớp. Từ đó tiết học trở nên sinh động, giáo viên cảm thấy an tâm, phấn chấn hơn. Các em có nhiều kĩ năng nói, giao tiếp tốt, tự tin và đó là tiền đề hình thành nhân cách cho học sinh.

6. Bài học kinh nghiệm

- Giáo viên cần xác định mục tiêu, mục tiêu cần đạt, nội dung bài dạy để phát triển từng năng lực cho học sinh.
- Tổ chức dạy luyện nói theo hướng đổi mới thông qua các hoạt động của học sinh, rèn cho học sinh phương pháp tự học, mạnh dạn, tự tin trước lớp, đám đông.
- Phối hợp các hình thức học tập cá nhân, nhóm. Chú trọng kĩ năng tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau nhằm tăng cường vận dụng kĩ năng nói, kĩ năng giao tiếp, vận dụng vào cuộc sống. Giáo viên cần quan tâm, khích lệ động viên học sinh, giúp hs hoàn thành nhiệm vụ học tập.

6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng:

Khi vận dụng các biện pháp trên, tôi nhận thấy rất khả quan. Thành tích học tập của các em tiến bộ nhiều hơn so với đầu năm học. Các em đã mạnh dạn hơn trong học tập, nắm được các mẫu văn, biết đưa tiếng vào mô hình.... Bản thân tôi không ngừng dừng lại ở thành tích trên, mà luôn nỗ lực cố gắng để đạt được thành tích cao hơn.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Muôn học sinh có nền tảng vững chãi hay không thì Giáo viên lớp 1 là người đặt viên gạch đầu tiên xây lên công trình công trình đó. Người GV lớp 1 mang trên mình sứ mạng quan trọng nhất trong việc hình thành kỹ năng học tập, hành vi, ngôn ngữ giao tiếp, thói quen sinh hoạt... và tất cả những gì khởi đầu cho việc hình thành nhân cách một con người.

Với tôi, sau mỗi bài học Tiếng Việt của các bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018 các em cảm thấy rất hứng thú, nghe và hiểu được hiệu lệnh, hiểu được lời nói của giáo viên. Nhiều em trả lời được rành mạch, nói đủ câu rõ ràng. Các em có khả năng giao tiếp, mạnh dạn, tự tin hơn trong học tập và thực hành cũng như giao tiếp với cô và bạn bè, nắm chắc được về ngữ âm, về luật chính tả, đọc tốt, viết tốt...đó là sự thành công.

2. Hiệu quả thiết thực của sáng kiến.

Qua những năm vận dụng kinh nghiệm rèn luyện nói cho học sinh lớp 1, tôi thấy đã có những thay đổi đáng mừng. Các em nói chưa tốt dần dần tiến bộ và số lượng cũng giảm hơn so với đầu năm. Học sinh nói tốt hơn, mạch lạc hơn trước và có thể đảm bảo được chất lượng nói, trả lời câu hỏi, thuyết trình, hùng biện theo chủ đề luyện nói khi học ở các lớp trên. Từ đó, bản thân tôi cũng rút ra được một số kinh nghiệm cho bản thân cũng như để các thầy cô đồng nghiệp tham khảo, góp ý:

- Khi ta biết chia sẻ, giải quyết được tận gốc nguyên nhân mà học sinh trở nên ngại học, chưa hoàn thành chuẩn kiến thức - kỹ năng thì mới có thể vực dậy các em được, chúng ta phải nắm được các em bị hỏng kiến thức ở chỗ nào để kịp thời bổ sung cho các em chỗ ấy. Thực hiện chuyên đề tiếng Việt trong tổ chuyên

môn, trao đổi cùng đồng nghiệp trong tổ các biện pháp thực hiện để cùng nhau tiến bộ.

- Những học sinh chưa hoàn thành chuẩn kiến thức - kỹ năng thường ngại học, ngại hỏi nên giáo viên cần chủ động đề ra kế hoạch kiểm tra khi mình nghi ngờ các em hiểu sai hoặc chưa hiểu. Ngoài ra còn phải động viên an ủi, khuyến khích các em cố gắng học tập để tiến bộ hơn. Lòng yêu nghề mến trẻ, tận tâm với nghề nghiệp, tận tụy với học sinh của giáo viên cùng với sự nỗ lực phấn đấu trong học tập của các em sẽ có được những kết quả tốt.

- Trong việc rèn học sinh chậm tiếp thu kiến thức, giáo viên không nên đưa ra những câu hỏi khó để cho các em trả lời. Những câu hỏi phải từ cơ bản đến nâng cao, từ đơn giản đến phức tạp sẽ giúp các em nói tốt hơn, khơi gợi được hứng thú của HS qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp. Học sinh phải có quyết tâm rèn luyện để trả lời tốt, còn giáo viên phải có quyết tâm giúp các em mạnh dạn, tự tin trao đổi ý kiến của mình tốt hơn, phải cùng nhau rèn luyện một cách kiên nhẫn, bình tĩnh, cẩn thận và không được nóng vội. Thường xuyên động viên, khen ngợi hợp lý khi các em có tiến bộ dù là rất nhỏ giúp khích lệ tinh thần, tăng sự cố gắng vươn lên trong học tập của các em.

- Khi giảng dạy hay giao tiếp với học sinh giáo viên cần sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, đơn giản và phù hợp với lứa tuổi. Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe. Phải đầu tư thật tốt vào kế hoạch bài dạy, chọn phương pháp phù hợp để tạo hứng thú trong giờ học, giờ luyện nói theo từng chủ đề trong những trường hợp từ dễ đến khó, yêu cầu học sinh phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập. Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần tìm những ví dụ thực tế gần gũi với cuộc sống học sinh để các em dễ hiểu hơn. Tạo cho học sinh không khí thoải mái, sinh động trong giờ học nhằm giúp các em tiếp thu bài tốt. Nhất là phần thực hành, giáo viên cần tìm

thêm những trò chơi, thiết kế các slide hình ảnh động tương tác với học sinh để gây hứng thú và khắc sâu kiến thức cho các em hơn.

- Gia đình - Nhà trường - Xã hội cần chia sẻ trách nhiệm trong công tác khắc phục tình trạng học sinh rụt rè, sợ hãi học, nói nhỏ, nói chưa rõ ý, nói trống không... Phụ huynh nên đồng tình ủng hộ, giúp con em mình học hành ngày càng tiến bộ. Phải làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để chính quyền cùng với phụ huynh chung tay góp sức, hỗ trợ tích cực cho Nhà trường và giúp giáo viên hoàn thành tốt công tác, trách nhiệm giảng dạy.

Để giúp phát huy được hiệu quả của các biện pháp trên, ngay từ đầu năm học giáo viên cần trao đổi với phụ huynh tình hình của các con, cần cho phụ huynh nắm rõ được những yêu cầu cần đạt đối với việc nói nhỏ, chưa biết diễn đạt để trả lời câu hỏi, nói trống không. Giáo viên đưa ra một số biện pháp phối hợp giữa giáo viên và phụ huynh để giúp các em có kỹ năng tốt trong việc nói như:

- + Đôn đốc, kiểm tra các con việc luyện nói ở nhà.
- + Khuyến khích các con em xem video mẫu về thuyết trình, hùng biện một chủ đề nào đó để rèn luyện thêm khả năng nói, giao tiếp tốt hơn.
- + Hướng dẫn các con nói to, rõ ý, nói thành câu.
- + Giáo viên cũng phải thường xuyên thông báo tình hình của học sinh cho phụ huynh biết để kịp thời có những biện pháp can thiệp hợp lý giúp em ngày càng tiến bộ hơn trong việc luyện nói, trả lời các câu hỏi.

Tôi nhận thấy, qua biện pháp mà tôi đã thực hiện, học sinh đã có sự chuyển biến tích cực trong việc rèn kỹ năng nói và có nhiều cố gắng nhất là với các em yếu thế có khả năng diễn đạt ý còn kém. Đồng thời các em còn cảm nhận được sự gần gũi, yêu thương của thầy cô, hòa đồng ơn với bạn bè, biết chia sẻ một cách tự tin trước lớp. Với tính khả thi này, tôi mong muốn được chia sẻ với đồng nghiệp trong tổ khối chuyên môn cùng áp dụng, góp phần nâng cao kỹ năng đọc cho

học sinh lớp 1 nói riêng và chất lượng giáo dục của Trường Tiểu học tôi đang dạy nói chung.

3.Một số kiến nghị.

a. Đối với tổ chuyên môn.

Hàng tháng duy trì việc tổ chức các chuyên đề, thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà thực chất.

b. Đối với Lãnh đạo nhà trường.

- Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn có chất lượng và hiệu quả cao.

- Tổ chức hội thi kể chuyện, thuyết trình, hùng biện cho học sinh lớp 1.

c. Đối với Phòng giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm tiếp tục duy trì việc tổ chức các chuyên đề về chuyên môn theo cụm trường để góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ cho giáo viên.

Trên đây là các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc rèn đọc cho học sinh lớp 1 của cá nhân tôi trong năm học 2023-2024. Với tinh thần học hỏi và không ngừng phấn đấu vươn lên, tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý cấp lãnh đạo, các bạn bè đồng nghiệp để sáng kiến của tôi hoàn thiện hơn và có tính ứng dụng cao trong công tác giảng dạy.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
2. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), *Sách Tiếng Việt bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Việt Nam.*
3. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới, NXB Đại học Sư Phạm,(2020)*
4. Lê Phương Nga, *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới, NXB Đại học Sư Phạm,(2020)*
5. Một số phương pháp rèn kỹ năng nói cho học sinh lớp 1.

PHỤ LỤC I
GIÁO ÁN MINH HỌA (DẠY ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN LỚP 1)
BÀI 80: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc thành thạo các vần oa, oe, uê, uy, oan, oăn, oăt, oat, uân, uât, uyên, uyêt, oai; đọc được các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có chứa các vần trên; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Phát triển vốn từ, kỹ năng nói thông qua từ ngữ, câu chứa một số vần đã học. Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe - kể câu chuyện "Cặp sừng và đôi chân".
- Giáo dục học sinh có ý thức về giá trị của mỗi bộ phận trên cơ thể

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bộ đồ dùng TV, ti vi thông minh
- HS: Vở Tập viết 1- tập 2

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiết 1

1. Mở đầu (3')

- Cho học sinh chơi trò chơi “Xi điện” kể các tiếng, từ chứa tiếng, câu chứa từ có tiếng chứa vần có âm đệm đã học
- HS chơi trò chơi và kể theo yêu cầu

2. Thực hành

2.1. Thực hành đọc và nói (32')

a. Đọc vần, từ ngữ (20')

* Đọc vần:

- Cho HS ghép, đánh vần và đọc trơn các vần
- GV ghi bảng các vần HS ghép được
- + Các vần này có điểm gì chung?
- Đánh vần, đọc vần
- Quan sát, trả lời

+ Khi đọc các tiếng chứa vần có âm đệm em cần lưu ý gì?

*** Đọc từ ngữ:**

- Giáo viên viết các từ cần luyện đọc lên bảng, yêu cầu học sinh đọc thầm (trang 172)

+ Yêu cầu nêu những từ chứa tiếng có âm đệm và luyện đọc

+ Yêu cầu HS nêu các từ chứa tiếng có âm đệm và luyện đọc

- Cho HS luyện đọc tất cả các từ (cá nhân, nhóm, lớp đồng thanh)

- GV kết hợp giải nghĩa từ khó (nếu học sinh chưa hiểu nghĩa)

* GV lưu ý giải nghĩa: *Lạc Long Quân, Thánh Gióng* thể hiện niềm tự hào dân tộc và tinh thần chống ngoại xâm của cha ông ta (Giáo dục Quốc phòng An ninh)

*** Giải lao (2')**

b. Đọc đoạn (8')

- Cho HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng, từ chứa tiếng có vần cần ôn

+ GV đọc mẫu và nêu cách đọc

+ GV yêu cầu HS đọc cả đoạn (cá nhân, nhóm, lớp đọc đồng thanh)

- GV hỏi về ND đoạn đọc vừa vừa đọc :

+ Mỗi lần về quê, Hà được bà kể cho những câu chuyện gì?

- Đọc thầm các từ ngữ

- HS nêu và luyện đọc

- HS luyện đọc

- HS đọc thầm, tìm và nêu tiếng, từ có vần cần ôn

- Học sinh theo dõi

- Học sinh luyện đọc cả đoạn

- Học sinh trả lời

- Học sinh nói thành đoạn

mang nội dung kể về người

+ Giọng kể của bà như thế nào?

+ Nghe bà kể, Hà có cảm giác như thế nào?

- Nhận xét, chốt các câu trả lời đúng cho HS.

c. Viết câu (10')

- GV hướng dẫn HS viết vào vở TV câu: Xuân về, đào nở thắm, quýt trĩu quả.

+ Tìm trong câu những tiếng chứa vần có âm đệm?

- GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.

- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

- Thu vở, nhận xét một vài bài.

Tiết 2

2.2. Thực hành kể chuyện (30')

a. GV kể chuyện: Cặp sừng và đôi chân (14')

Bước 1: Giới thiệu câu chuyện: Em thích nhất bộ phận nào trên cơ thể mình?

* Các em ạ! Trên cơ thể người cũng như động vật, ...mỗi bộ phận đều có chức năng, nhiệm vụ riêng. Nó góp phần giúp cơ thể sống và hoạt động. Chúng mình đừng coi thường một bộ phận nào của cơ thể nhé. Nếu thiếu nó thì cơ thể sẽ không hoạt động bình thường, sẽ gặp trở ngại trong quá trình sống. Nghe cô kể câu chuyện sau đây, các em sẽ thấy được điều đó.

Bước 2: GV kể chuyện

* Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện

bà ở quê của bạn Hà

- HS theo dõi

- HS trả lời

- Viết vở TV1

- Theo dõi

- HS trả lời (thích hàm răng trắng muốt, mái tóc mềm mại, đôi tay nhỏ nhắn,...)

- HS nghe

- HS nghe

* Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi để HS trả lời, GV nhận xét câu trả lời của HS

* *Đoạn 1: Từ đầu đến "trông thật xấu xí", GV hỏi học sinh:*

- Vì sao hươu nghĩ nó là con hươu đẹp nhất khu rừng? Hươu có thích đôi chân của mình không?

* *Đoạn 2: Tiếp đến "cảm thấy vương vít"*

- Khi tha thân trong rừng, hươu gặp phải chuyện gì? Khi gặp sói, cặp sừng hay đôi chân giúp hươu thoát nạn?

* *Đoạn 3: Tiếp đến hết, GV hỏi:*

- Thoát nạn, hươu làm gì?

- Nhận xét, chốt các câu trả lời đúng của HS

- Câu chuyện khuyên các em điều gì?

(Cần biết giá trị của mỗi bộ phận trên cơ thể)

* GV nhận xét, giáo dục HS: Các em phải biết giá trị của mỗi bộ phận trên cơ thể tuyệt đối không được đề cao hay coi thường bất kì bộ phận nào vì mỗi bộ phận đều có chức năng riêng của nó giúp cho cơ thể sống và hoạt động

- GV nhận xét, tuyên dương những HS trả lời chính xác nội dung câu hỏi

* **Giải lao (2')**

b. HS kể chuyện (14')

* *Bước 3: HS kể chuyện theo đoạn*

- GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn trong nhóm đôi.

- HS nghe kể chuyện, thảo luận nhóm đôi và TLCH (đại diện nhóm trả lời)

- HS nghe

- HS nghe

- Gv yêu cầu các nhóm trưởng của các nhóm kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của giáo viên

+ Ví dụ ở đoạn 1 HS kể: Mỗi ngày, tự soi mình trong bóng nước, hươu thẳm nghĩ: “Vớì cặp sừng lung linh, mình là con hươu đẹp nhất khu rừng”. Nhưng nó lại chẳng hề thích đôi chân chũt nào vì cho rằng trông chúng thật xấu xí.

** Bước 4: HS kể toàn bộ câu chuyện*

- Cho 3 HS nối tiếp kể lại toàn bộ câu chuyện (3 đoạn)

- Gọi 1 HS kể lại toàn bộ câu chuyện

- GV nhận xét, tuyên dương HS kể tốt

- GV hỏi HS:

+ Câu chuyện khuyên em điều gì?

3. Vận dụng (5')

- Cho học sinh vận dụng tìm tiếng ngoài bài và đọc tiếng có vần vừa ôn

- Yêu cầu HS nêu ý nghĩa câu chuyện vừa kể

- GV nhận xét chung giờ học

* Nhắc HS: Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe

- Chuẩn bị bài 81: Ôn tập

- Mỗi đoạn 1-2 HS kể

- HS kể nối tiếp 3 đoạn của câu chuyện

- HS kể lại toàn bộ câu chuyện

- HS nghe

- HS trả lời câu hỏi

- HS tìm và đọc theo yêu cầu

- HS nêu ý nghĩa câu chuyện

- HS nghe

- Học sinh kể chuyện cho người thân nghe

- HS nghe và chuẩn bị

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC II

ĐỀ KHẢO SÁT VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM

1. Khảo sát lần 1

1.1. Đề khảo sát

Đề bài: Em hãy giới thiệu về bản thân qua các câu hỏi gợi ý sau:

- Em tên là gì?
- Nhà em ở thôn, xã, huyện, tỉnh nào?
- Bố mẹ em tên là gì, làm nghề gì?
- Sở thích của em là gì?
- Ước mơ của em là gì?

1.2. Biểu điểm chấm: (10 điểm)

- Mỗi ý nói chính xác, rõ ràng, lưu loát (2 điểm)

2. Khảo sát lần 2

2.1. Đề khảo sát

Đề bài: Em hãy nói về chủ đề “Gia đình em” theo gợi ý sau:

- Gia đình em gồm những ai?
- Những người trong gia đình em làm nghề gì?
- Vào ngày nghỉ, gia đình em thường làm gì?
- Được sống trong gia đình, em cảm thấy thế nào?
- Em có tình cảm gì với gia đình em?

2.2. Biểu điểm chấm: (10 điểm)

- Mỗi ý nói đúng, rõ ràng, lưu loát (2 điểm)

